

CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO

=====o0o=====

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Dự án: “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo”

Địa điểm: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện  
Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Lạng Giang, 2024

# CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO

o0o

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo”

Địa điểm: Cụm công nghiệp Vôi-Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ,  
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

CHỦ DỰ ÁN



GIÁM ĐỐC

Hứa Ngọc Bình

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trọng

Lạng Giang, năm 2024

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>1</b>
1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo .....	1
2. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo .....	1
2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....	1
2.2. Quy mô của dự án đầu tư:.....	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư: .....	4
3.1. Công suất của dự án đầu tư:.....	4
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....	4
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư .....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án:.....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	8
<b>CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>12</b>
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: .....	12
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.....	12
<b>CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>13</b>
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật .....	13
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án .....	13
3. Hiện trạng các thành phần môi trường của dự án: .....	13
<b>CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>14</b>
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án:.....	14

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành. ....	14
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải: .....	14
2.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa: .....	14
2.1.2. Công trình thu gom, xử lý nước thải .....	15
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải. ....	16
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn .....	23
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường .....	31
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành .....	32
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	34
3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo: .....	34
<b>CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>36</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: .....	37
<b>CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .....</b>	<b>39</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	42
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	42
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: .....	44
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật ..	45
<b>CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....</b>	<b>45</b>

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1. Nguyên, vật liệu chính phục vụ sản xuất của dự án .....	7
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng của dự án .....	9
Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của dự án .....	10
Bảng 1.4. Nhu cầu lao động dự kiến của dự án.....	11
Bảng 4.1. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý bụi chà mặt .....	19
Bảng 4.2. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò dầu đốt củi..	22
Bảng 4.3. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý bụi sơn .....	24
Bảng 4.4. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý hơi sơn.....	27
Bảng 4.5. Dự báo thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	29
Bảng 4.6. Dự báo thành phần và khối lượng chất thải nguy hại .....	30
Bảng 4.7. Một số sự cố thường gặp và biện pháp khắc phục đối với hệ thống xử lý khí thải .....	33
Bảng 4.8. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án .....	34

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí của dự án qua ảnh vệ tinh .....	1
Hình 1.2. Công nghệ sản xuất gỗ ván ép (kèm dòng thải).....	4
Hình 4.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của dự án .....	14
Hình 4.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải của dự án.....	16
Hình 4.3. Hệ thống xử lý bụi gỗ phát sinh từ máy chà mặt .....	17
Hình 4.4. Sơ đồ quy trình xử lý bụi .....	17
Hình 4.5. Cấu tạo thiết bị lọc bụi túi vải (minh họa) .....	18
Hình 4.6. Mặt bằng lắp đặt lò dầu truyền nhiệt kèm thiết bị xử lý khí thải....	20
Hình 4.7. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò đốt củi.....	20
Hình 4.8. Sơ đồ nguyên lý của thiết bị cyclon (minh họa) .....	21
Hình 4.9. Sơ đồ nguyên lý của tháp hấp thụ (minh họa) .....	21
Hình 4.10. Hệ thống xử lý bụi sơn của dự án.....	23
Hình 4.11. Sơ đồ quy trình xử lý bụi sơn.....	23
Hình 4.12. Hệ thống xử lý hơi sơn của dự án.....	25
Hình 4.13. Sơ đồ quy trình xử lý hơi sơn.....	26
Hình 4.14. Cấu tạo thiết bị xử lý hơi sơn bằng tia UV (minh họa).....	27
Hình 4.15. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường của dự án.....	29
Hình 4.16. Kho chứa CTNH của dự án.....	31

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu oxi hóa sinh học
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
KCN	Khu công nghiệp
CCN	Cụm công nghiệp
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QLNN	Quản lý nhà nước
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KHKT	Khoa học kỹ thuật
MTV	Một thành viên

## CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo

- Địa chỉ văn phòng: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của dự án đầu tư: (ông) Hứa Ngọc Bình.

- Điện thoại: 0818565360

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 2400943725 đăng ký lần đầu ngày 05/8/2022, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13/10/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

- Dự án đầu tư của Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo không thuộc đối tượng phải thực hiện cấp chứng nhận đầu tư căn cứ tại điểm a, Khoản 2, Điều 37 Luật Đầu tư 2020.

### 2. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo

#### 2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:

Địa điểm thực hiện dự án: thuê nhà xưởng của Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc tại Cụm công nghiệp Vôi-Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.



Hình 1.1. Vị trí của dự án qua ảnh vệ tinh



## 2.2. Quy mô của dự án đầu tư:

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): căn cứ khoản 3, Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, dự án có tổng vốn đầu tư 25 tỷ đồng thuộc nhóm C (Dự án công nghiệp có vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng).

- Phân loại theo tiêu chí về môi trường: Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III quy định tại STT 2, phụ lục V kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” đã được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy phép môi trường theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 29/12/2023. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện dự án, để thuận tiện cho nhu cầu sản xuất, chủ dự án đầu tư thêm công đoạn sơn làm thay đổi quy trình công nghệ sản xuất so với giấy phép môi trường đã được phê duyệt. Do đó để đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ quá trình sơn, chủ đầu tư đã lắp đặt 01 hệ thống xử bụi sơn công suất 20.000-25.500 m<sup>3</sup>/giờ và 01 hệ thống xử lý hơi sơn công suất 9.581-22.736 m<sup>3</sup>/giờ. (Chi tiết các hệ thống được trình bày chi tiết ở các chương sau của báo cáo).

Ngoài ra chủ dự án thay đổi nguyên liệu lò dầu truyền nhiệt và diện tích các kho chứa chất thải. Các nội dung thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được phê duyệt như sau:

TT	Nội dung thay đổi	Nội dung Giấy phép môi trường đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được phê duyệt	Lý do điều chỉnh
1	Công đoạn sơn	Không có công đoạn sơn	Bổ sung thêm công đoạn sơn hoàn thiện sản phẩm	Chủ đầu tư thay đổi mục tiêu sản xuất theo nhu cầu thị trường
2	Hệ thống xử lý khí thải	02 hệ thống xử lý khí thải	04 hệ thống xử lý khí thải. Trong đó bổ sung thêm: - 01 hệ thống xử lý bụi sơn - 01 hệ thống xử lý hơi sơn	Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án

TT	Nội dung thay đổi	Nội dung Giấy phép môi trường đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được phê duyệt	Lý do điều chỉnh
3	Nguyên liệu lò dầu truyền nhiệt	Lò dầu đốt bằng than	Lò dầu đốt bằng củi	Tiết kiệm chi phí vận hành và tăng hiệu suất toả nhiệt cho lò dầu truyền nhiệt
4	Chiều cao ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò dầu truyền nhiệt	35m	38,6m	Tăng khả năng pha loãng và khuếch tán các chất ô nhiễm vào môi trường không khí
5	Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường	diện tích 20m <sup>2</sup>	diện tích 27,8 m <sup>2</sup>	Để đáp ứng nhu cầu thu gom CTRCN thông thường phát sinh của dự án
6	Kho chất thải nguy hại	diện tích 3m <sup>2</sup>	diện tích 20m <sup>2</sup>	Để đáp ứng nhu cầu thu gom CTNH phát sinh của dự án

- Căn cứ theo điểm b khoản 3 điều 44 Luật bảo vệ môi trường 2020 dự án Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo “có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, nhưng không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường”, vì vậy dự án tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường trình UBND huyện Lạng Giang thẩm định, cấp Giấy phép.

- Căn cứ quy định tại điểm b khoản 4 và khoản 9 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư được thực hiện theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

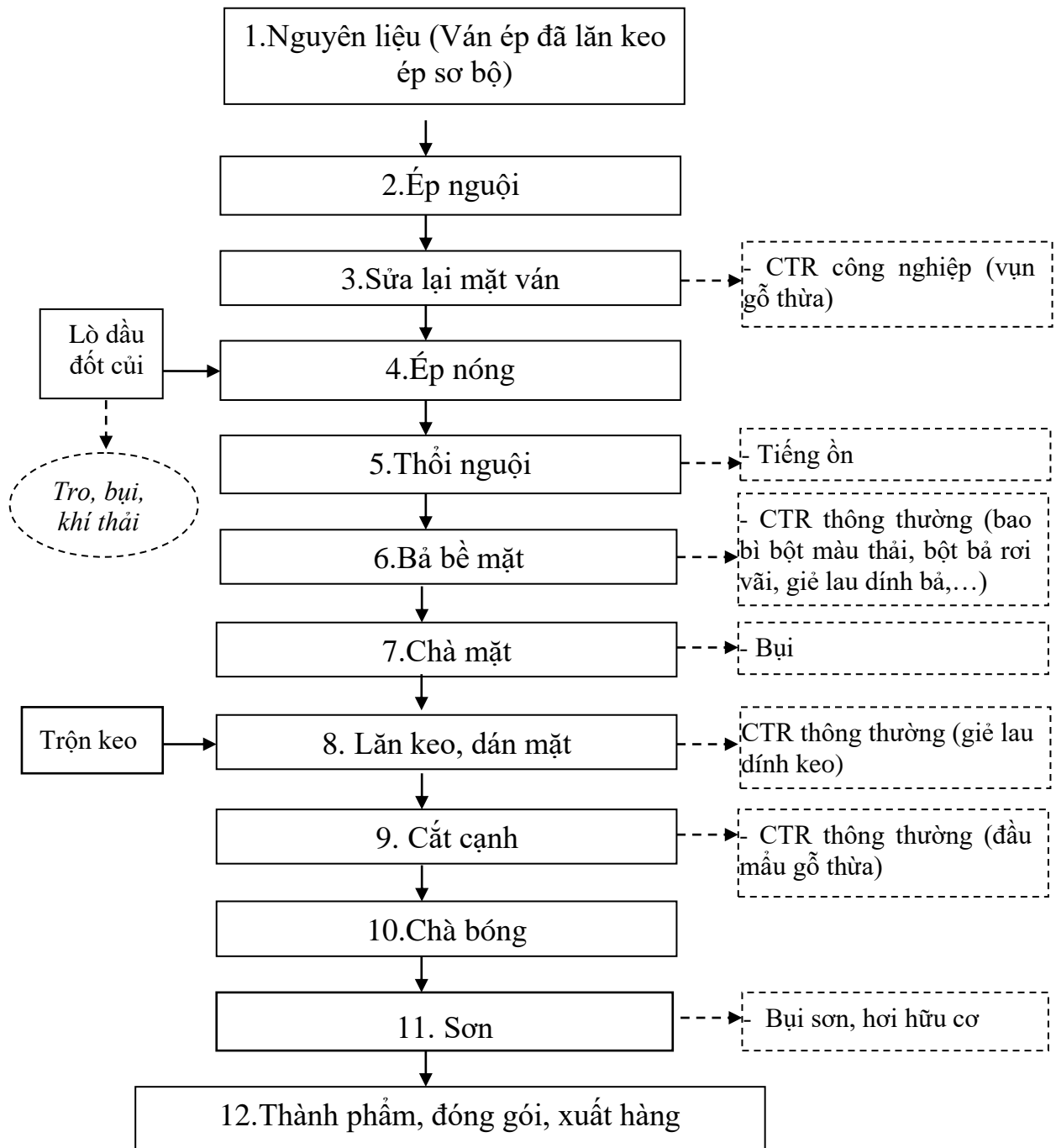
### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

#### 3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Không thay đổi so với Giấy phép môi trường được cấp theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Lạng Giang.

- Sản xuất gỗ ván ép 65.000 m<sup>2</sup>/năm.

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:



Hình 1.2. Công nghệ sản xuất gỗ ván ép (kèm dòng thải)

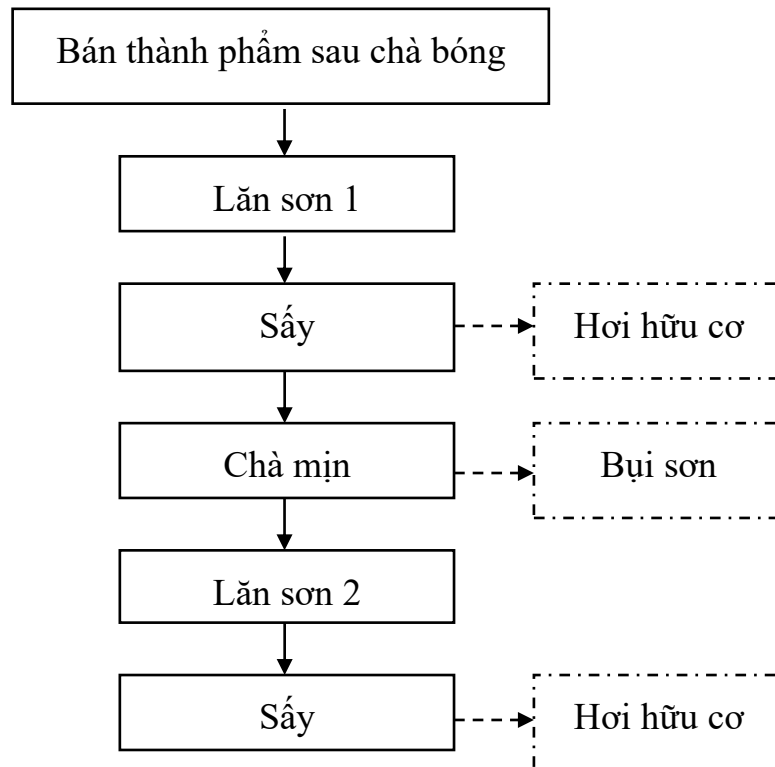
*\* Thuyết minh quy trình:*

Quy trình sản xuất trải qua các bước sau:

- + Bước 1: Nhập nguyên liệu là ván ép đã lăn keo ép sơ bộ;
- + Bước 2 (Ép nguội): Các tấm ván ép được cho vào máy ép sơ bộ (không gia nhiệt) để cố định tạm thời các tấm ván với nhau;
- + Bước 3 (Sửa lại mặt ván): thực hiện sửa lại mặt ván cho bằng phẳng trước khi cố định bằng nhiệt.
- + Bước 4 (Ép nóng): Sau khi được cố định sơ bộ ván ghép được chuyển sang máy ép nóng để tạo sự kết dính chặt chẽ giữa các lớp ván, nhiệt độ ép khoảng 100°C trong vòng 10 phút;  
Nguồn cấp nhiệt cho máy ép nóng sử dụng lò dầu truyền nhiệt được đốt bằng củi.
- + Bước 5 (Thổi nguội): các tấm ván ép sau khi gia nhiệt được xếp lên giá và thổi nguội bằng quạt.
- + Bước 6 (Bả bề mặt): tiếp theo các tấm ván được đưa qua công đoạn bả bề mặt để lấp đầy các lỗ hổng, vết lõm trên bề mặt tấm ván ép.  
Bột bả sử dụng bao gồm các thành phần được trộn theo tỷ lệ (50 kg bột đá + 20 lít nước + 0,6kg bột màu)
- + Bước 7 (Chà mặt): các tấm ván ép sau khi bả bề mặt được cho vào máy chà mặt, chà mí để tạo lớp mặt phẳng;
- + Bước 8 (Lăn keo, dán mặt): sau khi được chà mặt các tấm ván ép tiếp tục được phủ keo và dán tấm màng gỗ lên bề mặt để tạo thẩm mỹ sau đó đưa vào máy ép nóng để cố định.  
Trộn keo: Keo sử dụng là keo EO thân thiện môi trường, keo được trộn với các phụ gia theo tỷ lệ (160kg keo + 75 kg bột mỳ + 1,3 kg chất chống ẩm + 0,6 kg bột màu)
- + Bước 9 (Cắt cạnh): tấm ván ép sau đó được đưa qua máy cắt cạnh để có kích thước ván theo tiêu chuẩn khoảng 1220 x 2440 x 5 (mm) (Khối lượng riêng,  $d=600 \text{ kg/m}^3$ ). Kích thước ván ép có thể thay đổi theo đơn đặt hàng.
- + Bước 10 (Chà bóng): tiếp theo tấm ván ép được đưa qua máy chà bóng để tạo lớp mặt bóng đẹp.
- + Bước 11 (Sơn): Sau khi được chà bóng, ván ép được đưa vào máy sơn, sản phẩm được sơn phủ bóng bề mặt và làm khô. Chủ dự án lựa chọn công nghệ sơn UV. Sơn được bơm lên nhờ thiết bị hút tự động và trải đều trên trống quay.

Trống quay sẽ tiếp xúc với bề mặt gỗ và sơn lên bề mặt. Phần sơn dư thừa được chảy trở lại và tiếp tục được bơm hút lên và tiếp tục sơn. Quá trình sơn UV được thực hiện trong dây chuyền tự động khép kín.

Quy trình sơn cụ thể như sau:



+ Bước 12 (Kiểm tra, đóng hàng, xuất hàng): Công đoạn cuối cùng là thực hiện kiểm tra các tấm ván ép thành phẩm đáp ứng đủ yêu cầu thì đóng hàng và xuất hàng cho khách.

\* Quy trình sản xuất ván ép phát sinh các loại chất thải sau:

- CTR công nghiệp thông thường: bao bì thải, găng tay giặt lau thải, tro xỉ, đầu mẫu ván thừa, ván hỏng, dăm gỗ từ công đoạn tráng keo, bả, sửa ván, cắt ván,... và mùn cưa từ quá trình thu bụi chà mặt, chà bóng.

- CTNH bao gồm: dầu truyền nhiệt thải, dầu máy tổng hợp thải,...

- Bụi từ quá trình chà mặt, chà bóng.

- Khí thải lò dầu truyền nhiệt đốt củi.

- Bụi, hơi hữu cơ từ quá trình sơn.

### 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

- Ván ép: 65.000 m<sup>2</sup>/năm tương đương 195 tấn/năm.

#### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án:

*\* Nhu cầu sử dụng nước:*

- Nguồn cung cấp nước: dự án sử dụng nguồn nước sạch cho sinh hoạt do Công ty Bảo Ngọc lắp đặt, hợp đồng với đơn vị cấp nước sạch. Đối với nước sử dụng cho ăn uống dự án mua nước đóng chai bán trên thị trường.

- Nhu cầu sử dụng nước: căn cứ TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng, tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp cho 1 người trong 1 ca là 45 lít/người/ca, hệ số không điều hòa 2,5. Sau khi đi vào hoạt động ổn định, dự án dự kiến có tối đa khoảng 80 người. Như vậy, nhu cầu sử dụng nước của dự án khoảng:  $80 \times 45 \times 2,5 = 9.000$  lít/ngày =  $9 \text{ m}^3$ /ngày.

- Ngoài ra, dự án có sử dụng 01 giếng khoan để phục vụ tưới cây, rửa sân đường với lưu lượng sử dụng khoảng  $1 \text{ m}^3$ /ngày.

*\* Nhu cầu sử dụng điện:*

- Nguồn cung cấp điện: dự án sử dụng điện từ lưới điện Quốc gia, cung cấp bởi Công ty Điện lực Bắc Giang – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc – Điện lực Lạng Giang.

- Nhu cầu sử dụng điện: khoảng 13.000 KWh/tháng.

*\* Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất.*

**Bảng 1.1. Nguyên, vật liệu chính phục vụ sản xuất của dự án**

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng/tháng	Khối lượng (Tấn/tháng)	Xuất xứ
1	Ván ép đã lán keo ép sơ bộ	m <sup>2</sup>	5.418	14,9	Việt Nam
2	Keo dán E0	kg	533	0,533	Trung Quốc
3	Bột mỳ	kg	250	0,25	Việt Nam
4	Phụ gia chống ẩm	kg	4,3	0,0043	Trung Quốc
5	Bột màu	kg	10	0,01	Trung Quốc
6	Bột đá	kg	667	0,667	Việt Nam
7	Gỗ dán bề mặt	m <sup>2</sup>	65.000	2,2	Việt Nam
8	Sơn UV-LJ -342-150DD-5	kg	5.040	5,04	Trung Quốc

9	Sơn UV-LJ -342-150DD-2	kg	6.480	6,48	Trung Quốc
10	Sơn UV-LJ -322-90D	kg	1.600	1,6	Trung Quốc
11	Sơn UV-LJ -322-30D	kg	560	0,56	Trung Quốc
12	Củi	kg	250.000	250	Việt Nam
<b>Tổng</b>				<b>282,24</b>	

**Sơn UV** là sơn sử dụng tia UV để phân cắt chất khơi mào tạo phản ứng đóng rắn trong sơn. Tia UV có năng lượng lớn. Chính nguồn năng lượng này làm phá vỡ liên kết của các hóa chất khơi mào (hay còn gọi là chất hoạt hóa quang học), từ đó sinh ra gốc tự do và khơi mào phản ứng với các liên kết không no (thường là nối đôi). Thành phần sơn bao gồm:

<b>Thành phần</b>	<b>Tỉ lệ (%)</b>
Nhựa Epoxy acrylic	44-60
Benzyl methacrylate	15-25
I-hydroxy-cyclohexyl-phenyl ketone	3.5-6.5
Bột Talcum	5-25
Bột phủ	3-13

Sơn UV dự án sử dụng không sử dụng dung môi để pha loãng nên có hàm lượng VOC bằng 0, do đó trong quá trình sơn không phát sinh mùi điều này giúp cho sơn UV được ưa chuộng vì thân thiện với môi trường. Ngoài ra, vì sơn UV có tốc khô rất nhanh (tính bằng đơn vị giây) nên sơn UV là sự lựa chọn hàng đầu cho dây chuyền sản xuất hàng loạt.

Các nguyên vật liệu được sử dụng cho sản xuất của dự án đều được dùng phổ biến trong công nghiệp và không sử dụng hóa chất trong danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam. Sản phẩm ván ép của dự án đạt tiêu chuẩn xuất khẩu chuẩn EO với hàm lượng formalin dư trong ván vô cùng thấp, trong quá trình sản xuất dự án sử dụng keo EO là keo thân thiện với môi trường, đạt chứng nhận chất lượng quốc tế của SGS không chứa các thành phần độc hại (*Phiếu đính kèm phụ lục báo cáo*).

## **5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:**

### **5.1. Hiện trạng sử dụng đất và các hạng mục công trình của dự án**

Dự án: “Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo” của Công ty TNHH gỗ ván

ép Tân Tạo thuê nhà xưởng của Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc tại Cụm công nghiệp Vô-Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nhà xưởng (Kí hiệu 02 trên bản vẽ tổng mặt bằng) có diện tích sàn 3.825 m<sup>2</sup> đã được đầu tư xây dựng hoàn thiện, chủ dự án chỉ thực hiện lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, ngoài ra chủ dự án còn thỏa thuận để sử dụng các công trình phụ trợ và đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, cụ thể như sau.

**Bảng 1.2. Các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng của dự án**

STT	Nhóm hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Tiến độ thực hiện
<b>I. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH</b>				
1.1	Nhà xưởng (Kí hiệu 02)	m <sup>2</sup> sàn	3.825	Thuê xưởng từ tháng 3/2023
<b>II. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ</b>				
2.1	Nhà bảo vệ	m <sup>2</sup>	15	Thuê từ tháng 3/2023
2.2	Nhà để xe	m <sup>2</sup>	250	
2.3	Nhà ăn	m <sup>2</sup>	50	
2.4	Đường giao thông nội bộ	m <sup>2</sup>	4.444,62	
<b>III. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>				
3.1	Hệ thống lọc bụi túi vải	Hệ thống	01	Đã hoàn thiện lắp đặt tháng 4/2023
3.2	Hệ thống xử lý khí thải đồng bộ với lò hơi đốt củi	Hệ thống	01	Đã hoàn thiện lắp đặt tháng 4/2023
3.3	Hệ thống xử lý bụi sơn	Hệ thống	01	Đã hoàn thiện lắp đặt tháng 5/2024
3.4	Hệ thống xử lý hơi sơn	Hệ thống	01	Đã hoàn thiện lắp đặt tháng 5/2024
3.5	Kho CTR công nghiệp thông thường	m <sup>2</sup>	27,8	Đã hoàn thiện
3.6	Kho Chất thải nguy hại	m <sup>2</sup>	20	Đã hoàn thiện

[Nguồn: Chủ dự án]

## 5.2. Tiến độ thực hiện dự án:

Chủ dự án thuê nhà xưởng của Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc theo hợp đồng thuê xưởng số 03.2023/HĐT NX ngày 01/3/2023. Chủ dự án đã hoàn thiện lắp đặt máy móc, thiết bị vào tháng 4/2023 và đã đi vào hoạt động thử nghiệm từ tháng 5/2023. Dự án đã được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy phép môi trường theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày



29/12/2023. Tuy nhiên, sau khi được cấp Giấy phép môi trường, dự án đầu tư thêm công đoạn sơn làm thay đổi quy trình công nghệ, vì vậy Dự án tiến hành lập hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường trình UBND huyện cấp phép theo quy định.

**5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của dự án:**

**Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của dự án**

TT	Máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị	Số Lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Tiến độ
<b>A</b>	<b>Danh mục máy móc theo GPMT đã dc phê duyệt</b>						
1	Máy ép cốt	Trung Quốc	Chiếc	5	2022	mới 90%	Đã lắp đặt tháng 4/2023
2	Máy ép mặt	Trung Quốc	Chiếc	3	2022	mới 90%	
3	Máy chà bóng	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
4	Máy cắt cạnh	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
5	Máy dán mặt	Trung Quốc	Chiếc	2	2022	mới 90%	
6	Máy lật	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
7	Máy cắt thành phẩm	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
8	Máy sẻ thanh pallet	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
9	Máy sẻ rãnh pallet	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
10	Máy ép nguội	Trung Quốc	Chiếc	2	2022	mới 90%	
11	Máy quay keo	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
12	Hệ thống hút bụi	Trung Quốc	Chiếc	1	2022	mới 90%	
13	Máy ép nóng	Trung Quốc	Chiếc	2	2022	mới 90%	
14	Nồi dầu	Trung Quốc	HT	1	2022	mới 90%	
<b>B</b>	<b>Danh mục máy móc bổ sung mới</b>						
1	Máy phun sơn UY model My – 1300	Trung Quốc	Bộ	1	2022	mới 90%	Đã lắp đặt tháng 5/2024
2	Hệ thống xử lý bụi sơn	Trung Quốc	HT	1	2023	mới 90%	
3	Hệ thống xử lý hơi sơn	Trung Quốc	HT	1	2023	mới 90%	

[Nguồn: Chủ dự án]

#### 5.4. Nhu cầu về lao động

Công ty sử dụng 100% lao động người Việt Nam, cụ thể như sau:

**Bảng 1.4. Nhu cầu lao động dự kiến của dự án**

STT	Vị trí	Số lượng	Thời gian Tuyển dụng
1	Quản lý	01	Từ tháng 4/2023
2	Văn phòng	02	
3	Kế toán	01	
4	Lái xe	02	
5	Thủ kho	01	
6	Bảo vệ	02	
7	Công nhân sản xuất gỗ ván ép	71	
	Tổng	80 người	

## **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

*\* Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:*

- Dự án: “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” của Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo nằm trong cụm công nghiệp Vôi – Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. CCN Vôi - Yên Mỹ có tổng diện tích là 13,2 ha được thành lập theo Quyết định số 350/QĐ-UBND, ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập các cụm công nghiệp đã hình thành trước ngày 05/10/2009 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và nằm trong Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Bắc Giang (Các CCN đã thành lập) – Mục I, Phụ lục IX kèm theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/2/2022 của Thủ tướng chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch môi trường tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Như vậy, dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh Bắc Giang, phân vùng môi trường được lồng ghép trong quy hoạch tỉnh.

*\* Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề thu hút đầu tư của CCN*

Dự án đầu tư nằm trong CCN Vôi – Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. CCN đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó quy định các ngành nghề sản xuất ưu tiên thu hút đầu tư của CCN bao gồm: Chế biến gỗ, thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng, may mặc... Như vậy, dự án “ Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” hoạt động với lĩnh vực chế biến gỗ là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề thu hút đầu tư của CCN.

### **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải**

Hoạt động của dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng tối đa khoảng 9 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, chủ dự án đã thỏa thuận với chủ nhà xưởng là Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án. Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận và hoàn toàn đủ khả năng tiếp nhận xử lý nước thải của dự án.

## **CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật**

Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang, hiện trạng môi trường khu vực dự án không có các thành phần ô nhiễm nghiêm trọng, cũng như không có sự cố môi trường nào xảy ra trên khu vực. Mặt khác, căn cứ vào khảo sát thực tế, hiện tại dự án đã xây dựng và đã đi vào hoạt động thử nghiệm. Hoạt động của dự án phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt có khả năng tác động trực tiếp đến môi trường tiếp nhận khu vực. Tuy nhiên, chủ dự án đã đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải, hợp đồng với chủ nhà xưởng xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải vào môi trường tiếp nhận, do đó có tác động không lớn.

Dữ liệu hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực dự án được thực hiện bằng phương pháp điều tra, khảo sát thực tế và tham khảo các tài liệu đánh giá tác động môi trường của các dự án xung quanh. Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án bao gồm:

- Về đa dạng sinh học trên cạn: dự án thuộc CCN Vôi-Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Khu vực này là khu dân cư đang sinh sống, cạnh dự án là các cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác thuộc CCN. Do vậy, hệ sinh vật đã không còn nguyên khai. Thực vật chủ yếu là các loài cây tạo bóng mát, cây cảnh, cây ăn quả và cỏ dại,... Đối với hệ động vật cạn chủ yếu là các loài động vật nuôi trong gia đình như gà, vịt, chó..., các loại động vật hoang dã gặp rất ít, chủ yếu còn sót lại một số loài chim nhỏ, chuột bọ, rắn và ếch nhái...

- Về sinh học dưới nước: Khu vực còn có một số kênh, mương thoát nước. Hệ sinh vật dưới nước chủ yếu là các loại cá, tôm cua, ếch nhái,...

### **2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án**

Chủ dự án đã thỏa thuận với chủ nhà xưởng là Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án.

### **3. Hiện trạng các thành phần môi trường của dự án:**

Căn cứ điểm c khoản 2, điều 28 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Dự án nằm trong CCN Vôi-Yên Mỹ (thuộc dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp) nên không phải thực hiện đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án.

## CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án:

Thời điểm lập báo cáo, dự án đã thuê xưởng và hoàn thiện lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Do đó, nội dung báo cáo này không đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án.

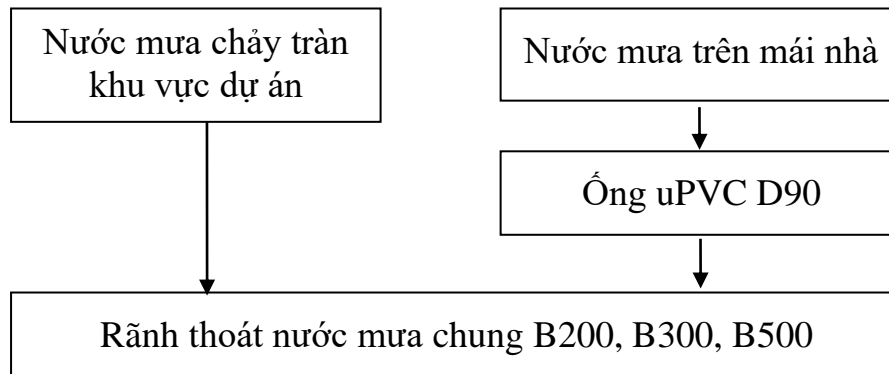
### 2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.

#### 2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

*Không thay đổi so với Giấy phép môi trường được cấp theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Lạng Giang*

#### 2.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được chủ nhà xưởng đầu tư xây dựng hoàn thiện, cụ thể như sau:



**Hình 4.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của dự án**

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được bố trí trên toàn bộ bề mặt của dự án, các đường cống thoát nước chạy xung quanh các khu nhà xưởng, công trình phụ trợ, sân bê tông,...

- Cách thức thu gom như sau:

+ Toàn bộ nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom vào ống nước uPVC D90 bố trí dọc hai bên nhà xưởng xuống và chảy vào hệ thống rãnh, hố ga thu nước mặt.

+ Nước mưa chảy tràn trên bề mặt xung quanh nhà xưởng, sân đường được thu vào hệ thống rãnh BTCT B200, B300, B500 do chủ nhà xưởng là Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc đầu tư xây dựng và quản lý chung.

Chủ dự án - Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo có trách nhiệm phối hợp với Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời với tần suất 6 tháng/lần. Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

### **2.1.2. Công trình thu gom, xử lý nước thải**

Quá trình hoạt động của dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt

\* Tính toán lưu lượng nước thải phát sinh từ dự án:

Căn cứ TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng, tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp cho 1 người trong 1 ca là 45 lít/người/ca, hệ số không điều hòa 2,5 thì nhu cầu sử dụng nước của dự án như sau:

- Sau khi đi vào hoạt động ổn định, dự án dự kiến có tối đa khoảng 80 người. Như vậy, nhu cầu sử dụng nước của dự án khoảng:  $80 \times 45 \times 2,5 = 9.000$  lít/ngày =  $9 \text{ m}^3$ /ngày.

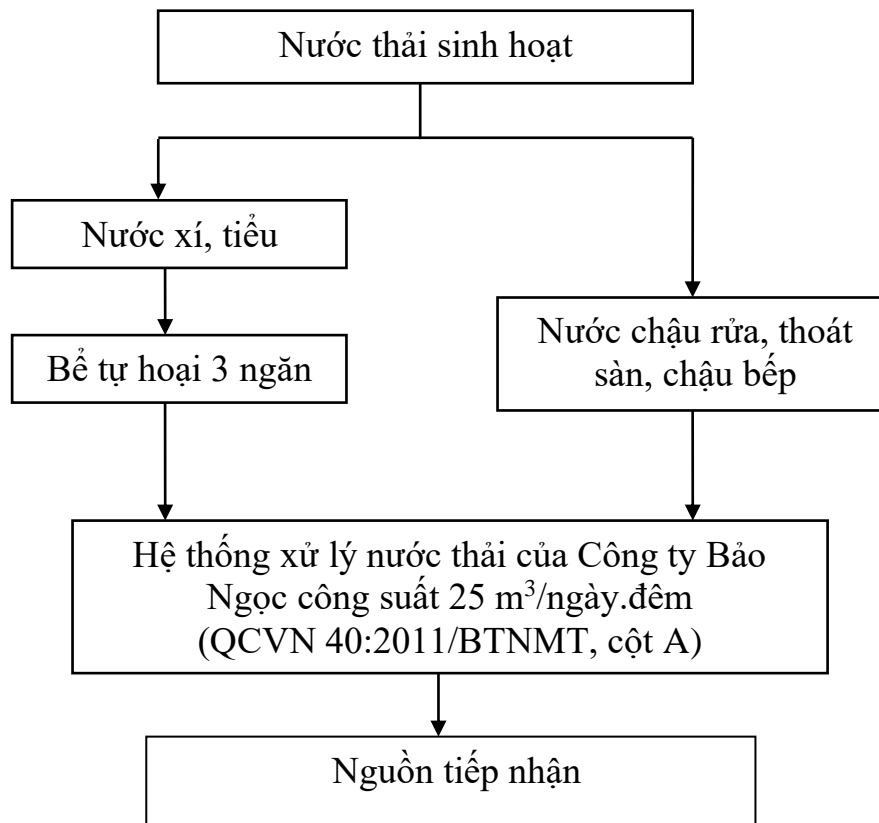
Nước thải ước tính bằng 100% nước cấp, do đó lưu lượng nước thải phát sinh của dự án là:  $9 \text{ m}^3$ /ngày

\* Đặc trưng của nguồn nước thải: dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh, rửa chân tay, ăn uống của công nhân viên làm việc tại nhà máy. Nước thải sinh hoạt này chủ yếu chứa các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), dầu mỡ, các hợp chất dinh dưỡng (N,P), vi khuẩn, các vi sinh vật trong đó có chứa nhiều hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học. Sự ô nhiễm do các chất hữu cơ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước khiến cho các loài thủy sinh trong thủy vực thiếu oxy để sinh sống.

\* Biện pháp xử lý:

Chủ dự án hợp đồng với chủ nhà xưởng-Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án.

Quy trình thu gom, xử lý như sau:



**Hình 4.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải của dự án**

+ Nước thải từ các xí, tiêu của dự án được thu gom bằng ống uPVC đường kính từ D90, D110 về 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, thể tích 27,54 m<sup>3</sup> được xây ngầm dưới chân công trình vệ sinh.

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án (bao gồm nước thải xí tiêu sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ bằng vải tách dầu và nước rửa tay từ lavabo, nước thoát sàn,...) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bằng ống thoát nước thải uPVC D125 do chủ nhà xưởng - Công ty Bảo Ngọc đầu tư, vận hành. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận

## 2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.

Hoạt động sản xuất của dự án có phát sinh các nguồn bụi, khí thải chính:

- Bụi gỗ phát sinh từ máy chà mặt;
- Khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt;
- Bụi sơn phát sinh từ công đoạn chà mặt trong quy trình sơn;
- Hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn sấy trong quy trình sơn;

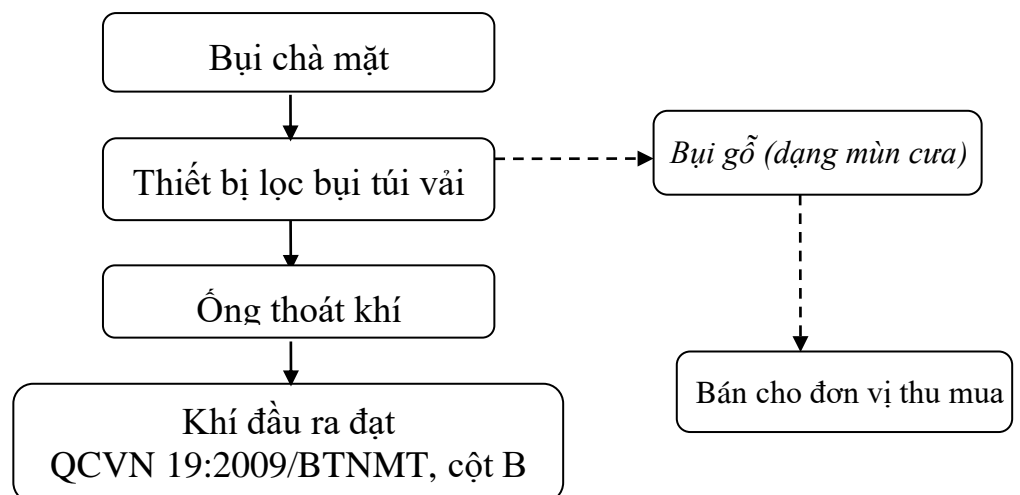
### 2.2.1. Đối với bụi gỗ phát sinh từ máy chà mặt (Đã lắp đặt thiết bị xử lý)

Trong quá trình sản xuất, tại khu vực máy chà mặt, máy cắt có phát sinh bụi gỗ. Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bằng thiết bị lọc bụi túi vải.



**Hình 4.3. Hệ thống xử lý bụi gỗ phát sinh từ máy chà mặt**

Sơ đồ nguyên lý hệ thống xử lý như sau:



**Hình 4.4. Sơ đồ quy trình xử lý bụi**

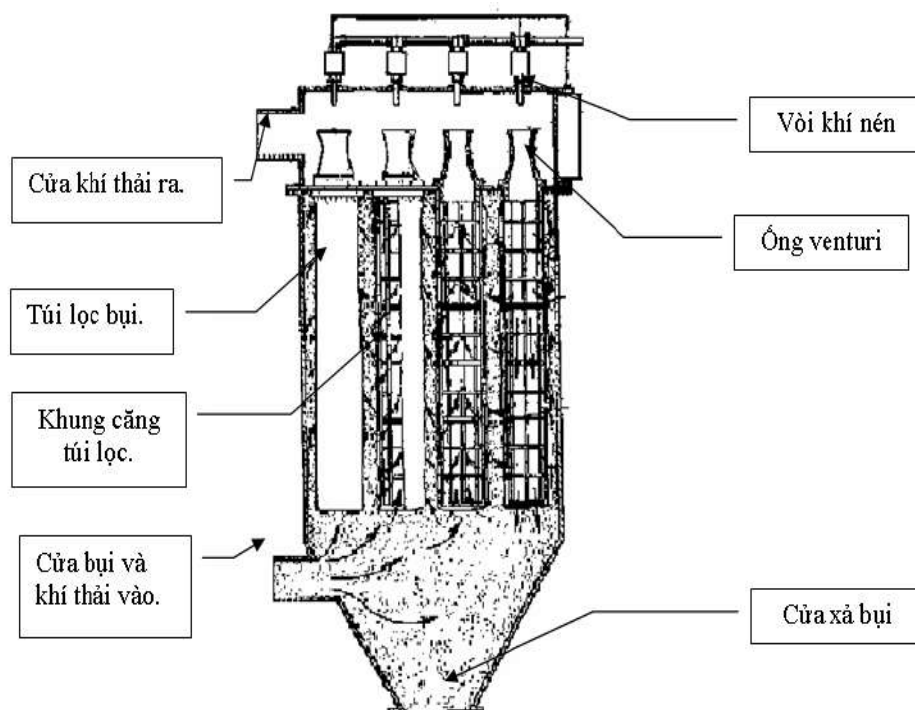


Bụi phát sinh từ máy chà mặt được thu gom qua hệ thống ống nối trực tiếp với máy tại nguồn phát sinh bằng ống nhựa PVC D200 đến ống dẫn chính bằng tôn mạ kẽm D400 dài 30m.

Bụi phát sinh từ máy cắt được thu gom qua hệ thống ống nối trực tiếp với máy tại nguồn phát sinh bằng ống nhựa PVC D100 đến ống dẫn nhánh bằng tôn mạ kẽm D300 dài 2m, sau đó đi vào ống dẫn chính bằng tôn mạ kẽm D400 dài 8m.

Bụi phát sinh từ máy chà mặt và máy cắt sau đó được dẫn vào đường ống thu khí bằng tôn mạ kẽm D600 dài 3,3m đến hệ thống lọc bụi túi vải bằng quạt hút công suất 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

\* Cấu tạo của hệ thống lọc bụi túi vải: Thiết bị lọc bụi túi vải bao gồm nhiều tay áo hình trụ có đường kính 100mm, với chiều cao từ 2,3m, được giữ chặt bằng khung thép. Bên cạnh đó còn được trang bị cơ cấu giữ bụi bằng cơ học hoặc khí nén.



**Hình 4.5. Cấu tạo thiết bị lọc bụi túi vải (minh họa)**

\* Nguyên lý hoạt động: khí thải chứa bụi được thổi vào thiết bị qua các cửa dẫn khí, vận tốc khí thải giảm đột ngột khi vào thiết bị lọc khiến gia tốc bụi giảm, các hạt bụi rơi xuống dưới cửa xả bụi, một phần hạt bụi còn lại bám trên bề mặt túi vải, phần khí sạch đi qua túi và đi ra ngoài qua ống thoát khí D500 cao 5,5m so với mặt đất. Bụi bám trên túi vải định kỳ sẽ được hoàn nguyên bằng cách rũ bụi khí nén và rơi cửa xả bụi. Bụi thu được ở dạng mùn cưa được thu gom và bán cho đơn vị thu mua hàng ngày.

\* Hiệu quả xử lý: Thiết bị lọc bụi túi vải có hiệu quả lọc cao (95 – 99%) đối với tất cả các kích thước bụi, đặc biệt là bụi có kích thước nhỏ hơn 10 $\mu$ m.

Khí sạch sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

**Bảng 4.1. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý bụi chà mặt**

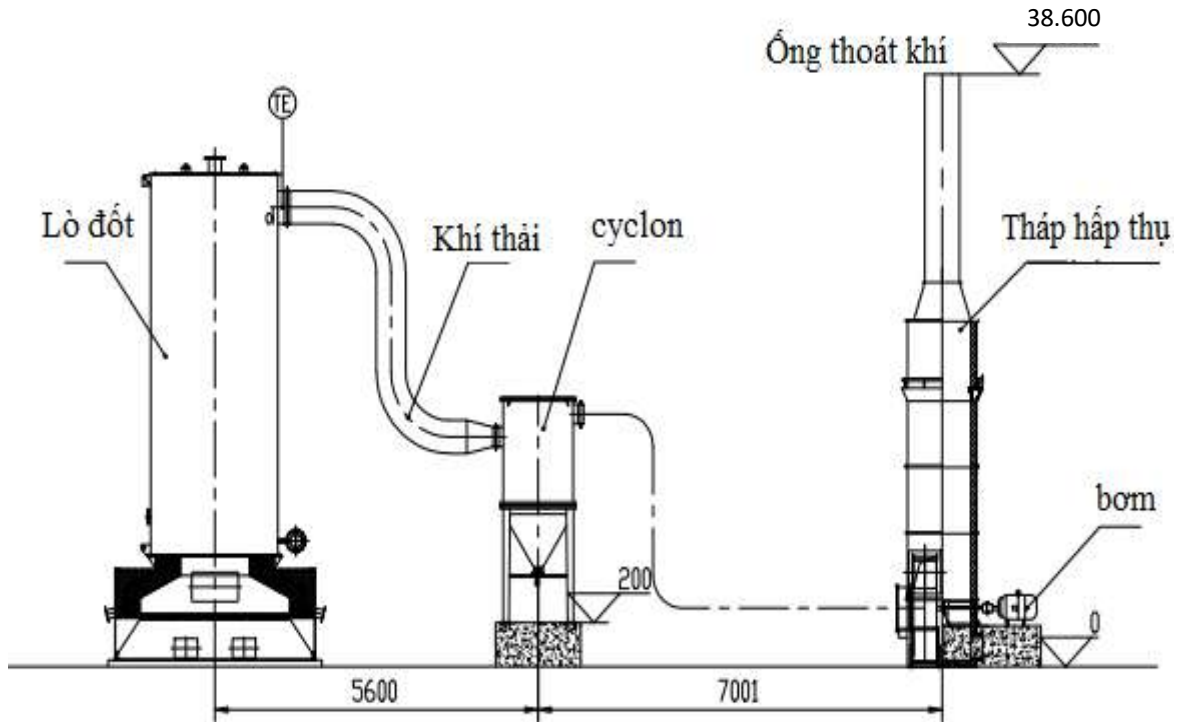
Thiết bị	Thông số kỹ thuật
Ống dẫn khí từ máy chà mặt	- Vật liệu: nhựa PVC - Kích thước: D200 mm
Ống dẫn khí chính máy chà mặt	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D400 mm, L=30m
Ống dẫn khí từ máy cắt	- Vật liệu: nhựa PVC - Kích thước: D100 mm
Ống dẫn khí nhánh máy cắt	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D300 mm, L=2m/nhánh, tổng 3 nhánh
Ống dẫn khí chính máy cắt	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D400 mm, L=8m
Ống thu khí	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D600 mm, L=3,3m
Hệ thống túi vải lọc bụi	- Lưu lượng thiết kế: 10.000 m <sup>3</sup> /giờ - Số lượng túi lọc: 120 túi, kích thước 100x2500 (mm) - Kích thước hệ thống: 4000x2300x5000 (mm)
Ống thoát khí	- Đường kính ống: D500 mm - Vật liệu: tôn mạ kẽm - Chiều cao: 5,5m - Tọa độ điểm xả (X:2362062, Y:423862)

### 2.2.2. Đối với khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt đốt củi (đã lắp đặt thiết bị xử lý đồng bộ)

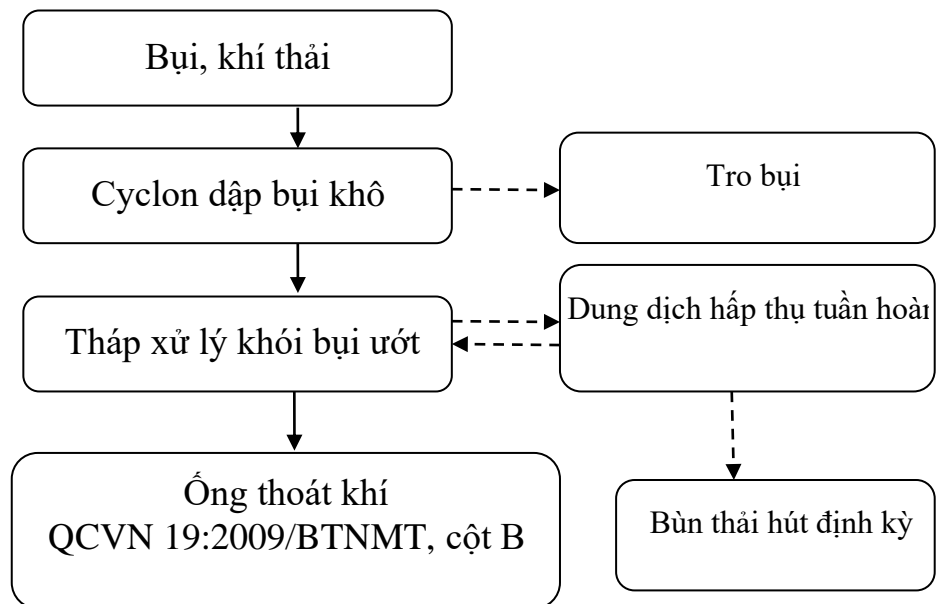
Dự án thay đổi nguyên liệu từ đốt bằng than sang đốt bằng củi.

Dự án có 01 lò dầu truyền nhiệt đốt bằng củi phục vụ sản xuất sẽ phát sinh khí thải. Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu (củi) có chứa các thành phần khí thải độc hại: bụi, CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>...

Chủ dự đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải đồng bộ với lò. Quy trình xử lý như sau:



Hình 4.6. Mặt bằng lắp đặt lò dầu truyền nhiệt kèm thiết bị xử lý khí thải

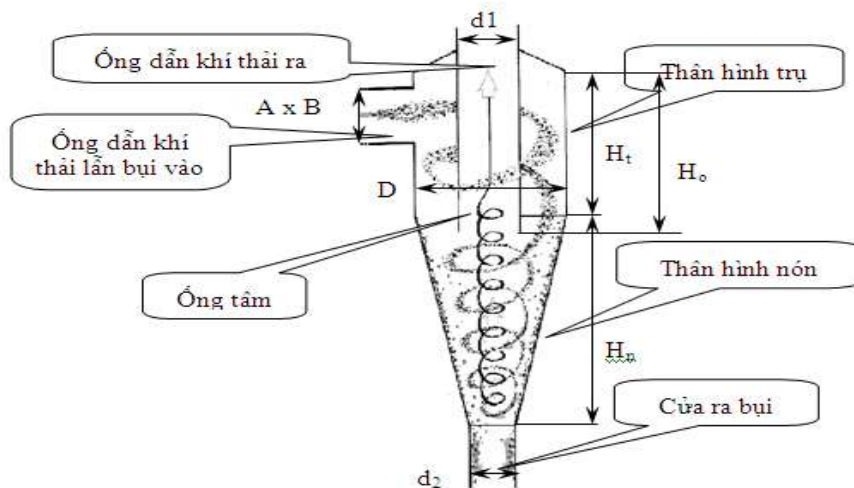


Hình 4.7. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải lò đốt củi

Thuyết minh quy trình xử lý:

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt lò bằng củi sẽ được xử lý qua 2 công đoạn chính: đập bụi khô bằng cyclon và đập bụi ướt, xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch nước vôi trong  $\text{Ca(OH)}_2$ ).

➤ *Dập bụi khô bằng Xyclon:*



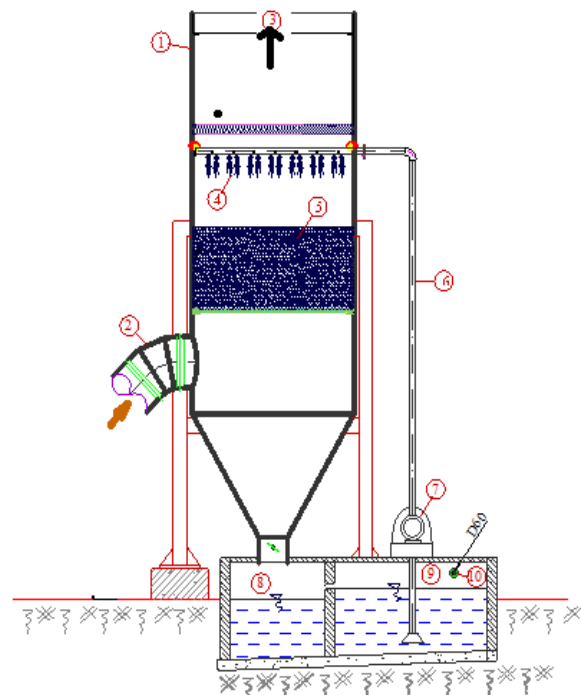
**Hình 4.8. Sơ đồ nguyên lý của thiết bị cyclon (minh họa)**

Bụi, khí thải từ buồng đốt sẽ đi vào thiết bị theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới. Khi dòng khí và bụi chuyển động theo quỹ đạo tròn (dòng xoáy) thì các hạt bụi có trọng lượng lớn hơn các phân tử khí sẽ chịu tác dụng của lực ly tâm văng ra xa trục và va vào thành. Khi bụi chạm thành, nó sẽ bị mất quán tính và rơi xuống ngăn chứa bụi phía dưới. Còn với hạt bụi nhẹ thì nó sẽ đọng lại làm thành lớp rồi cuối cùng khi đủ nặng nó cũng bị rơi xuống đáy.

➤ *Tháp hấp thụ khí thải và dập bụi ướt:*

*Chú thích:*

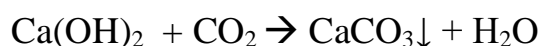
1. Thân thiết bị
2. Ống dẫn khí thải vào thiết bị
3. Ống dẫn khí thải ra khỏi thiết bị
4. Mũi phun
5. Khâu sít rasching
6. Ống dẫn dung dịch hấp thụ
7. Bơm dẫn dung dịch vôi sữa vào thiết bị
8. Bể chứa dung dịch sau hấp thụ
9. Bể chứa dung dịch vôi sữa
10. Ống dẫn nước bổ sung



**Hình 4.9. Sơ đồ nguyên lý của tháp hấp thụ (minh họa)**

Bụi, khí thải sau khi qua cyclon chỉ loại bỏ được bụi có kích thước lớn, khí thải và bụi kích thước nhỏ sẽ được loại bỏ hoàn toàn khi đi qua tháp hấp thụ sử dụng nước vôi trong để xử lý. Bụi, khí thải đi từ dưới lên còn dung dịch hấp thụ nước vôi trong được phun từ trên xuống nhờ hệ thống phun làm ẩm ướt toàn bộ bề mặt lớp vật liệu đệm. Vật liệu đệm là các khâu trụ rỗng. Ở đây ta sử dụng vật liệu đệm bằng các khâu sứ. Các khâu sứ được đổ lộn xộn, khi khí thải đi qua lớp vật liệu đệm đã được phun ướt thì bụi và các chất ô nhiễm sẽ bị giữ lại. Khí sạch theo ống dẫn khí đi ra ngoài.

Phương trình phản ứng xử lý khí thải:



Dung dịch hấp thụ khí thải và bụi rơi xuống đáy thiết bị về bể lắng tuần hoàn 3 ngăn. Bể lắng được đặt cạnh nhà lò dầu đốt củi, thể tích 16,8 m<sup>3</sup>. Tại đây, bùn cặn lắng xuống dưới và nước trong chảy về ngăn chứa được bổ sung vôi sữa (với hàm lượng bổ sung khoảng 15kg/ngày) và tuần hoàn về tháp hấp thụ. Bùn cặn định kỳ (15 ngày/lần) được nhân viên vận hành thu gom, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định đối với chất thải rắn thông thường.

\* Hiệu quả xử lý: tháp hấp thụ có hiệu quả xử lý cao đối với bụi có kích thước nhỏ và khí thải đốt lò (95 – 98%)

Khí sạch sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

**Bảng 4.2. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò dầu đốt củi**

Thiết bị	Thông số kỹ thuật
Cyclone lọc bụi khô	- Nhiệm vụ: Làm sạch thô (thu gom những hạt bụi lớn có kích thước lớn hơn 5µm) - Cấu tạo: + Cyclo chòm: Thép tấm SS400 – 3mm, kích thước Ø573/Ø168mm + Vỏ thiết bị: Thép tấm SS400 - 4mm + Mặt bích khối vào ra: Thép tấm SS400 – 8mm + Phễu thu tro: Thép tấm SS400 – 3mm + Van xoay lấy tro: Động cơ 0.75kw
Tháp hấp thụ tích hợp ống khói	- Nhiệm vụ: Làm sạch bụi kích thước nhỏ (nhỏ hơn 5µm) và các khí độc hại như SO <sub>2</sub> , CO <sub>2</sub> ,... - Cấu tạo: + Kích thước Ø645, L=38.600 + Vật liệu: Inox 304-3mm - Tọa độ điểm xả (X:2361951, Y:425159)

Bể lắng tuần hoàn	- Nhiệm vụ: lắng cặn và tuần hoàn dung dịch hấp thụ - Thể tích 16,8 m <sup>3</sup> . Kích thước D×R×C = 4m × 2,1m × 2 m - Vật liệu: Bê tông cốt thép dày 200mm, có mái che bằng tôn
Quạt hút khói lò	- Lưu lượng thiết kế tối đa: 12.626 m <sup>3</sup> /giờ, công suất 22kW

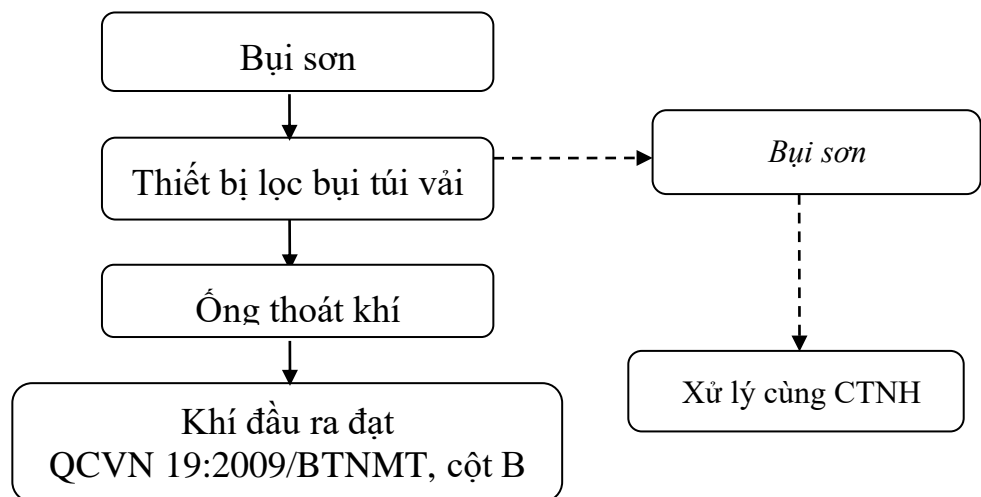
### 2.2.3. Đối với bụi sơn phát sinh từ công đoạn chà mặt của quy trình sơn (đã lắp đặt thiết bị xử lý)

Trong quá trình sản xuất, tại công đoạn chà mặt trong quy trình sơn có phát sinh bụi sơn. Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bằng thiết bị lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.



**Hình 4.10. Hệ thống xử lý bụi sơn của dự án**

Quy trình xử lý bụi sơn như sau:



**Hình 4.11. Sơ đồ quy trình xử lý bụi sơn**

Bụi phát sinh từ dây chuyền sơn được thu gom qua hệ thống ống nối trực tiếp với máy tại nguồn phát sinh bằng ống nhựa PVC D100 đi vào ống nhánh D400 dài 2,5m sau đó dẫn ra ống chính bằng tôn mạ kẽm D500 dài 30m đến hệ thống lọc bụi túi vải bằng quạt hút công suất 20.000-25.000 m<sup>3</sup>/giờ.

\* Cấu tạo của hệ thống lọc bụi túi vải: Thiết bị lọc bụi túi vải bao gồm nhiều tay áo hình trụ có đường kính 100mm, với chiều cao từ 2,0m, được giữ chặt bằng khung thép. Bên cạnh đó còn được trang bị cơ cấu giữ bụi bằng cơ học hoặc khí nén.

\* Nguyên lý hoạt động: khí thải chứa bụi được thổi vào thiết bị qua các cửa dẫn khí, vận tốc khí thải giảm đột ngột khi vào thiết bị lọc khiến gia tốc bụi giảm, các hạt bụi rơi xuống dưới cửa xả bụi, một phần hạt bụi còn lại bám trên bề mặt túi vải, phần khí sạch đi qua túi và đi ra ngoài qua ống thoát khí D500 dài 3,1m nhờ lực hút của quạt hút khí thải sạch thoát ra ngoài theo đường ống tôn mạ kẽm D500 cao 5m so với mặt đất. Bụi bám trên túi vải định kỳ sẽ được hoàn nguyên bằng cách rũ bụi khí nén và rơi cửa xả bụi. Bụi sơn được thu gom và xử lý theo quy định.

\* Hiệu quả xử lý: Thiết bị lọc bụi túi vải có hiệu quả lọc cao (95 – 99%) đối với tất cả các kích thước bụi, đặc biệt là bụi có kích thước nhỏ hơn 10µm.

Khí sạch sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

**Bảng 4.3. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý bụi sơn**

Thiết bị	Thông số kỹ thuật
Ống dẫn khí từ máy sơn	- Vật liệu: nhựa PVC - Kích thước: D100 mm
Ống dẫn khí từ ống thu gom đến ống chính	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D400 mm, L=2,5m/ống nhánh, tổng có 5 ống nhánh
Ống dẫn khí chính	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D500 mm, L=30m
Hệ thống túi vải lọc bụi	- Kích thước hệ thống: 4000x2400x5000 (mm) - Số lượng túi lọc: 209 túi, kích thước 100x2000 (mm) - Túi vải lọc bụi: D100
Quạt hút	- Lưu lượng thiết kế: 20000-25000 m <sup>3</sup> /giờ - Áp suất: 3000-2250 pA - Vật liệu: Thép SS400

Ống thoát khí	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đường kính ống: D500 mm</li><li>- Vật liệu: tôn mạ kẽm</li><li>- Chiều cao: 5m so với mặt đất</li><li>- Tọa độ điểm xả (X:2362082.8, Y:423853.5)</li></ul>
Tủ điều khiển	<ul style="list-style-type: none"><li>- Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện</li><li>- Phụ kiện tủ điện: Khởi, át, rorel trung gian, cầu đấu, đèn báo, khởi, attomat, ... cáp dẫn điện</li><li>- Máng đi dây: Sơn tĩnh điện, ống luồn dây bằng nhựa</li><li>- Sản xuất: Việt Nam</li></ul>

#### **2.2.4. Đối với hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn sấy trong quy trình sơn (đã lắp đặt thiết bị xử lý)**

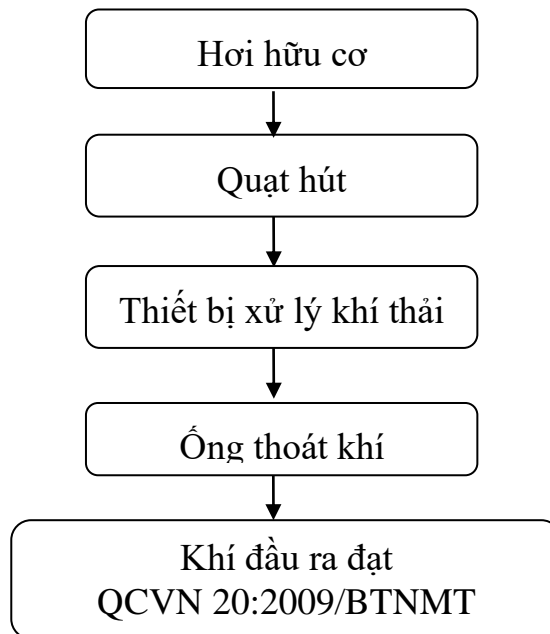
Quá trình sấy trong quy trình sơn có phát sinh hơi hữu cơ. Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bằng thiết bị xử lý hơi hữu cơ bằng công nghệ tia UV.



**Hình 4.12. Hệ thống xử lý hơi sơn của dự án**



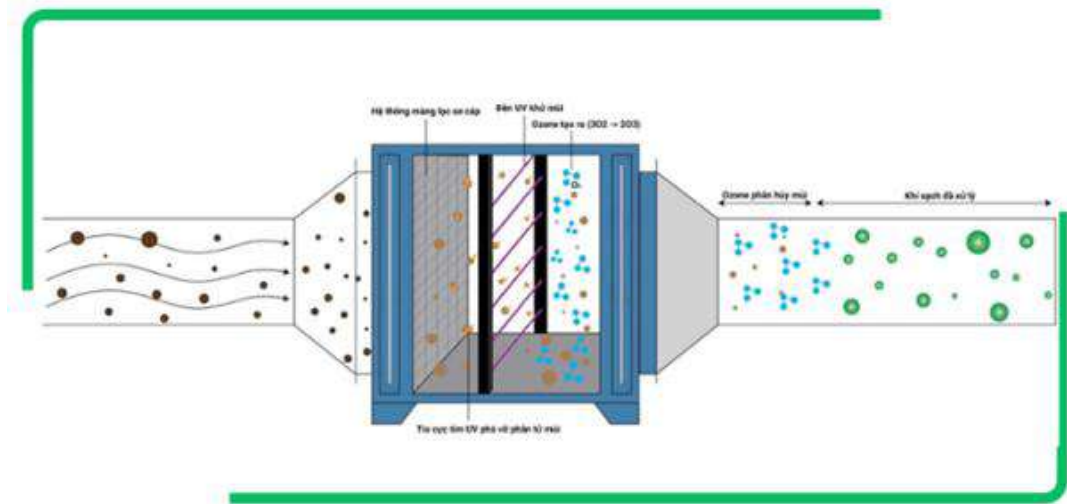
Quy trình xử lý hơi hữu cơ như sau:



**Hình 4.13. Sơ đồ quy trình xử lý hơi sơn**

Hơi hữu cơ phát sinh từ quá trình sấy được thu gom nhờ 07 quạt hút 0,75kw (lắp trực tiếp tại khu vực sấy sơn) đưa qua hệ thống ống nhánh tôn mạ kẽm D200 dài 2,5m vào hệ thống ống chính tôn mạ kẽm D300, dài 8m và D500 dài 17m đến thiết bị xử lý hơi hữu cơ bằng tia UV nhờ lực hút của quạt hút công suất 9.581-22.736 m<sup>3</sup>/giờ rồi thoát ra ngoài môi trường theo ống thoát khí D500 cao 5,9m so với mặt đất.

Cấu tạo của thiết bị xử lý hơi hữu cơ bằng tia UV: Bên trong thiết bị được bố trí 60 bóng đèn UV dạng ống có bước sóng 253,7nm được lắp đặt theo phương nằm ngang so với chiều của dòng khí (chi tiết xem bản vẽ). Khi qua thiết bị UV dòng khí chứa các chất hữu cơ độc hại sẽ được xử lý thành các chất đơn giản hơn và nhờ quạt hút đưa ra môi trường không khí bên ngoài.



**Hình 4.14. Cấu tạo thiết bị xử lý hơi hữu cơ bằng tia UV (minh họa)**

\* Nguyên lý hoạt động: Công nghệ xử lý hơi hữu cơ bằng tia UV dựa trên nguyên tắc ion hóa và oxi hóa. Khi các hạt và phân tử trong khí thải tiếp xúc với ánh sáng UV, năng lượng từ ánh sáng sẽ phá vỡ các liên kết hóa học trong chúng và tạo ra các ion hoá và các gốc tự do có tính oxi hóa cao. Các ion hoá và gốc tự do này sẽ tác động lên các chất ô nhiễm trong khí thải, làm giảm độc tính và biến đổi chúng thành các hợp chất không độc hại hoặc ít độc hại hơn.

\* Hiệu quả xử lý: Thiết bị xử lý hơi hữu cơ bằng tia UV có hiệu quả lọc cao đối với các dòng khí thải hữu cơ, chẳng hạn như amoniac, triethylamine, hydrogen sulfide, methyl sulfide, methyl mercaptan, dimethyl disulfide, carbon disulfide và styrene, sulfide H<sub>2</sub>S, VOC, hay các hợp chất như benzene, toluene, xylene, vào quá trình này, chùm tia cực tím UV và ozone sẽ ngay lập tức phá hủy và oxi hóa chúng. Kết quả là chúng được biến đổi thành các hợp chất có phân tử nhỏ vô hại hoặc ít gây hại, như CO<sub>2</sub> và H<sub>2</sub>O..

Khí sạch sau khi qua thiết bị xử lý sẽ theo ống khí thải ra ngoài môi trường đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (Kv=1,2; Kp= 0,9), cột B và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

**Bảng 4.4. Các thông số cơ bản của hệ thống xử lý hơi sơn**

Thiết bị	Thông số kỹ thuật
Quạt hút tại vị trí phát sinh	- Vật liệu: nhựa PVC - Công suất: 0,75kw/220v/50hz
Ống dẫn khí nhánh	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D200 mm, L=2,5m/ống nhánh, tổng có 7 ống

	nhánh
Ống dẫn khí chính	- Vật liệu: tôn mạ kẽm - Kích thước: D300 mm, L=8m; D500 mm, L=17m
Thiết bị xử lý hơi hữu cơ	- Kích thước hệ thống: DxRxH: 2000x1100x1200mm - Lưu lượng thiết kế: 9.581-22.736 m <sup>3</sup> /giờ - Số lượng bóng đèn UV: 60 bộ + Đường kính bóng: 15mm + Bước sóng: 253,7nm
Ống thoát khí	- Đường kính ống: D500 mm - Vật liệu: tôn mạ kẽm - Chiều cao: 5,9m so với mặt đất - Tọa độ điểm xả (X:2362084.3, Y:423854.3)
Tủ điều khiển	- Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện - Phụ kiện tủ điện: Khởi, át, rorel trung gian, cầu đấu, đèn báo, khởi, attomat, ... cấp dẫn điện - Máng đi dây: Sơn tĩnh điện, ống luồn dây bằng nhựa - Sản xuất: Việt Nam

### 2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

#### 2.3.1. Đối với rác thải sinh hoạt

##### a. Dự báo khối lượng phát sinh

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong nhà máy

- Dự báo khối lượng phát sinh: căn cứ hiện trạng thực tế của dự án, công nhân không tổ chức nấu ăn mà sử dụng dịch vụ suất ăn bên ngoài, bếp ăn chỉ phục vụ cho khoảng 5-7 người nên khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án không nhiều khoảng 0,3 kg/người/ngày. Vậy với số lượng khoảng tối đa khoảng 80 người khi đi vào hoạt động ổn định thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ dự án dự báo khoảng 24 kg/ngày.

##### b. Biện pháp thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt

- Biện pháp thu gom: Chủ dự án bố trí các thùng chứa rác thải bằng nhựa có nắp đậy: 01 thùng dung tích 120 lít ở bếp ăn, 01 thùng 60 lít ở khu vực văn phòng để chứa rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Biện pháp xử lý: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường xã Yên Mỹ vận chuyên, xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

### 2.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### a. Dự báo khối lượng phát sinh

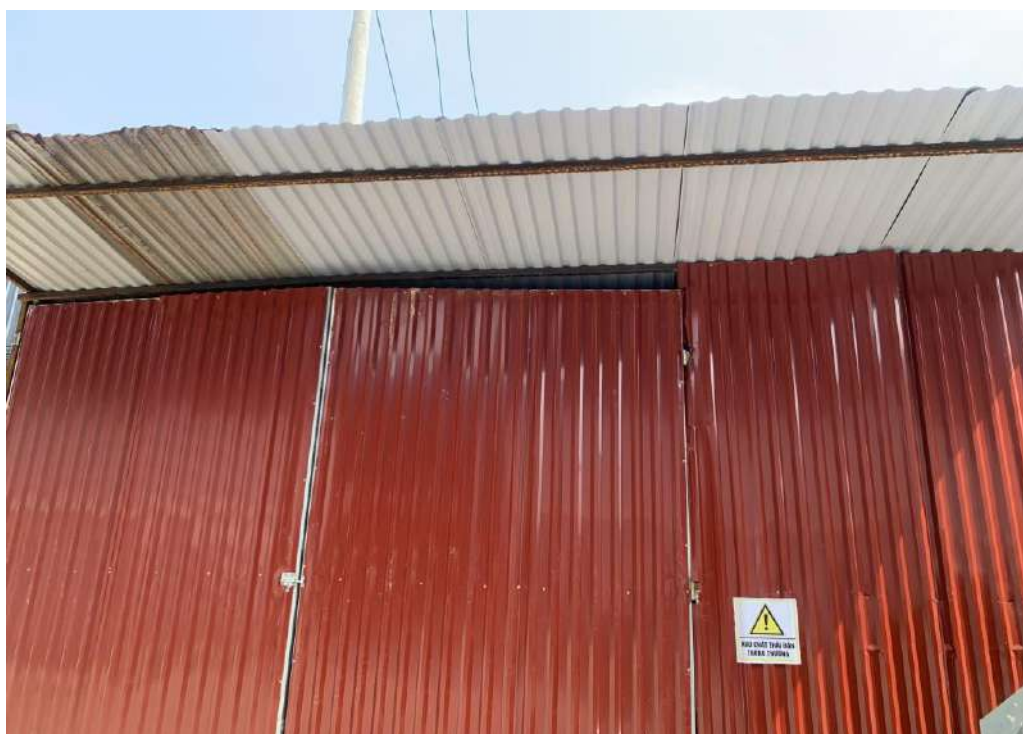
- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình sản xuất của dự án
- Dự báo thành phần và khối lượng phát sinh:

**Bảng 4.5. Dự báo thành phần và khối lượng CTR công nghiệp thông thường**

Thành phần	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
Tro củi	4.500
Dây đai nhựa, thùng giấy, nilon, lõi cuộn băng dính	71,5
Găng tay, giẻ lau thải	20
Mùn cưa, đầu mẫu gỗ thừa	2.210

#### b. Biện pháp thu gom, xử lý

- Chủ dự án bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường ở bên ngoài nhà xưởng, có mái che bằng tôn diện tích khoảng 27,8 m<sup>2</sup>, có dán biển báo.



**Hình 4.15. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường của dự án**

- Biện pháp thu gom:
  - + Đối với tro than phát sinh, cuối mỗi ngày công nhân thực hiện đóng bao lưu giữ ngay tại nhà lò hơi.

+ Đối với mùn cưa phát sinh, cuối mỗi ngày công nhân thực hiện đóng bao lưu giữ tại khu vực hệ thống thu gom bụi gỗ.

+ Đối với bavia đầu mẩu gỗ thừa, thùng giấy, nilon,... công nhân thực hiện thu gom, bó thành từng bó và lưu giữ tại khu vực lưu giữ CTCNTT bố trí trong nhà xưởng.

+ Đối với găng tay, giẻ lau thải bố trí 01 thùng 120 lít có nắp đậy để thu gom hàng ngày đặt tại khu vực lưu giữ CTCNTT bố trí trong nhà xưởng.

- Biện pháp xử lý: hầu hết các loại chất thải này đều có thể tái chế, chủ dự án thực hiện bán cho đơn vị thu mua để tái chế. Chất thải không thể tái chế thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý chất thải phát sinh theo quy định. Tần suất 1 tuần/lần (có thể thay đổi tùy vào tình hình sản xuất của nhà máy)

### 2.3.3. Đối với chất thải nguy hại

#### a. Dự báo khối lượng phát sinh

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình sản xuất của dự án
- Dự báo thành phần và khối lượng phát sinh:

**Bảng 4.6. Dự báo thành phần và khối lượng chất thải nguy hại**

Thành phần	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
Dầu tổng hợp thải	170203	Lỏng	60
Dầu truyền nhiệt thải (trung bình 3 năm thải bỏ 1 lần)	170304	Lỏng	8.600 (kg/3năm)
Găng tay, giẻ lau dính dầu	180201	Rắn	30
Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	Rắn	3
Bụi từ hệ thống xử lý bụi sơn	08 0101	Rắn	9.840

#### b. Biện pháp thu gom, xử lý

- Biện pháp thu gom: chủ dự án bố trí khu tập kết CTNH ở bên ngoài nhà xưởng, có mái che, diện tích khoảng 20 m<sup>2</sup>, và lắp biển cảnh báo CTNH. Trong đó bố trí 02 thùng 120 lít, có nắp đậy, có dán tên, nhãn CTNH tương ứng với găng tay, giẻ lau dính dầu và bóng đèn huỳnh quang thải và 01 thùng 240 lít có nắp đậy, có dán tên, nhãn CTNH tương ứng để lưu chứa bụi từ hệ thống xử lý bụi sơn. Đối với CTNH dạng lỏng như dầu thải bố trí thùng phuy 120 lít có nắp đậy kín và dán tên, mã CTNH tương ứng.



**Hình 4.16. Kho chứa CTNH của dự án**

- Biện pháp xử lý: chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, định kỳ 1 năm/lần (có thể thay đổi tùy vào tình hình sản xuất của nhà máy tuy nhiên thời gian lưu giữ CTNH không quá 1 năm). Riêng đối với dầu truyền nhiệt thải, do lượng phát sinh mỗi lần thay thế tương đối lớn nên chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý ngay khi phát sinh.

#### **2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường**

- Các phương tiện vận tải ra vào dự án phải được thường xuyên bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ quy định cho từng khu vực nhằm đảm bảo không gây ồn cho khu vực xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực dự án.

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng sẽ được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

Ngoài ra, chủ dự án cũng đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như:

- Lắp đặt các tấm đệm chống rung tại các thiết bị có cường độ hoạt động nhiều.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.
- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.
- Bỏ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan cho nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí thêm trong lành.

## **2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành**

### **2.5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình xử lý chất thải**

Chủ đầu tư thực hiện vận hành hệ thống xử lý thải theo đúng quy trình kỹ thuật và hướng dẫn vận hành của đơn vị thiết kế. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.
- Trong quá trình vận hành xử lý khí thải cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và yêu cầu giám sát. Đào tạo cán bộ chuyên trách vận hành hệ thống xử lý khí thải.
- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.
- Nếu phát hiện sự cố bất thường thiết bị xử lý không hoạt động hoặc hoạt động không có hiệu quả chủ dự án tiến hành dừng mọi hoạt động của thiết bị và tiến hành kiểm tra đồng bộ lại toàn bộ hệ thống và khắc phục ngay. Các thiết bị xử lý chỉ được phép đưa vào hoạt động khi đã hoạt động ổn định đảm bảo việc xử lý đáp ứng các QCVN liên quan.

**Bảng 4.7. Một số sự cố thường gặp và biện pháp khắc phục đối với hệ thống xử lý khí thải**

Nhận dạng sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
<b>Quạt hút</b>		
Quạt hút chạy nhưng không có khí ra	Quạt hút bị tắc	+ Tắt nguồn điện ngay, kiểm tra các mối tiếp điện. + Vệ sinh quạt hút, cặn bám bám vào cánh quạt. + Bổ sung dầu mỡ bôi trơn.
Quạt không chạy	Quạt bị cháy	+ Thay thế moto
<b>Bơm định lượng hóa chất</b>		
- Máy bơm hoạt động bình thường, nhưng lưu lượng hóa chất nhỏ.	- Rác hoặc cặn làm nghẹt đầu hút, đầu đẩy hoặc hệ thống van 1 chiều tại đầu bơm. - Đường ống hút bị rò rỉ - Các đầu nối của bơm bị nghẹt Màng hoặc bị công tác bị mòn	- Kiểm tra làm sạch cặn tại đầu hút, đầu đẩy và hệ thống van 1 chiều tại đầu bơm. - Kiểm tra và thay thế. - Vệ sinh và có hành động ngăn ngừa tái diễn.
- Mô tơ quá nhiệt và tiếng ồn bất thường.	- Đầu đẩy của bơm bị nghẹt, không khắc phục sẽ dẫn đến tình trạng tét ống dẫn hóa chất. - Màng bơm bị hỏng. - Bánh răng bị mòn hoặc hư hỏng.	- Sửa chữa và thay thế. Tháo ra vệ sinh. - Thay màng bơm mới. - Yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra (sửa chữa hoặc thay thế).

**2.5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:**

Nhà xưởng do chủ dự án thuê của Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc đã được thi công, lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng hồ sơ thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn, cứu hộ chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 435/TD-PCCC ngày 05/2/2021.

- Chủ dự án sẽ thực hiện đúng theo quy trình, tiêu lệnh và quy định về vận hành liên tục. Chủ nhà xưởng có trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Nhà máy có lực lượng phòng cháy và chữa cháy được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.



### 3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

**Bảng 4.8. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

Các công trình, biện pháp BVMT	Quy mô, số lượng	Kế hoạch thực hiện	Kinh phí (VNĐ)	Trách nhiệm thực hiện
Thiết bị lọc bụi túi vải	10.000 m <sup>3</sup> /giờ	Đã lắp đặt hoàn thiện tháng 4/2023	150.000.000	Chủ dự án
Thiết bị xử lý khí thải lò dầu đốt củi	12.626 m <sup>3</sup> /giờ		Đồng bộ cùng thiết bị lò hơi	Chủ dự án
Thiết bị xử lý bụi hơi	20.000-25.000 m <sup>3</sup> / giờ	Đã lắp đặt hoàn thiện tháng 5/2024	Đồng bộ cùng dây chuyền sơn	Chủ dự án
Thiết bị xử lý hơi sơn	9.581-22.736 m <sup>3</sup> / giờ			Chủ dự án

*\* Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình BVMT*

Chủ dự án – Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo có trách nhiệm quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã đầu tư (hệ thống xử lý khí thải) trong suốt quá trình hoạt động, chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh theo quy định. Công ty giao cán bộ kỹ thuật phụ trách trực tiếp đảm bảo việc vận hành của các công trình được liên tục và đúng quy định của pháp luật về việc quản lý, xử lý chất thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

Phối hợp với chủ nhà xưởng trong quá trình duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải.

### 4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

#### 4.1. Về mức độ chi tiết

Các đánh giá về các tác động môi trường do trong quá trình sản xuất của dự án được thực hiện một cách tương đối chi tiết, báo cáo đã nêu được các tác động đến môi trường trong hoạt động của dự án. Đã nêu được các nguồn ô nhiễm chính trong quy trình hoạt động của dự án.

#### 4.2. Về hiện trạng môi trường

Nhóm nghiên cứu đã kết hợp với Chủ dự án đi hiện trường, lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường và phân tích mẫu bằng phương pháp mới, với thiết bị hiện đại. Qua đó đánh giá được hiện trạng môi trường của dự án. Độ tin cậy của các kết quả phân tích các thông số môi trường tại khu vực dự án hoàn toàn đảm bảo.

### *4.3. Về mức độ tin cậy*

Các phương pháp dự báo, đánh giá có độ tin cậy cao. Việc định lượng các nguồn gây ô nhiễm được phân tích từ các số liệu cụ thể, hiện trạng của dự án từ đó so sánh với các Tiêu chuẩn cho phép là phương pháp thường được áp dụng phổ biến. Từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể, mang tính khả thi cao

*a. Đánh giá đối với các tính toán về tải lượng, nồng độ và phạm vi phát tán các chất ô nhiễm trong nước thải*

- Về lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế của dự án và kết quả quan trắc nước thải nên có độ chính xác và tin cậy khá cao.

- Về phạm vi tác động: để tính toán phạm vi ảnh hưởng do các chất ô nhiễm cần xác định rõ rất nhiều các thông số về nguồn tiếp nhận. Do thiếu các thông tin này nên việc xác định phạm vi ảnh hưởng chỉ mang tính tương đối.

*b. Đánh giá đối với các tính toán về lượng chất thải rắn phát sinh*

Đối với chất thải rắn sinh hoạt căn cứ vào nhu cầu sử dụng của cá nhân ước tính lượng thải do vậy sai số xảy ra do nhu cầu của mỗi cá nhân là khác nhau.

*c. Đánh giá đối với các tính toán về lưu lượng, nồng độ và khả năng phát tán khí độc hại và bụi*

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm từ hoạt động sản xuất được tính toán theo các công thức thực nghiệm cho kết quả nhanh, ngoài ra lượng chất ô nhiễm này còn phụ thuộc thời gian hoạt động và tần suất hoạt động của dự án.

*d. Đánh giá đối với các rủi ro, sự cố*

Các sự cố rủi ro đã được đánh giá trên cơ sở tổng kết đúc rút những kinh nghiệm thường gặp trong lĩnh vực hoạt động sản xuất tương tự vì thế có tính dự báo cáo.

Tuy các đánh giá không thể định lượng hóa được hết các tác động môi trường nhưng những căn cứ đánh giá là rất chắc chắn: Dựa trên kinh nghiệm chuyên môn của các chuyên gia môi trường; Dựa trên các kết quả thu được từ nhiều công trình nghiên cứu nên những đánh giá trong báo cáo này có tính thực tế và khả thi cao.

## CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Do nước thải phát sinh từ dự án không xả thải trực tiếp ra môi trường mà đầu nối nước thải vào hệ thống XLNT của chủ nhà xưởng cho thuê là Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc, do đó không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

#### 2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: Bụi từ máy chà mặt, máy cắt;
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt củi;
- + Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn chà mặt của quy trình sơn;
- + Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy của quy trình sơn.

#### 2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a. Dòng khí thải 01: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi từ máy chà mặt

- Vị trí xả khí thải: tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý, tọa độ (X:2362062, Y:423862) (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 80.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (hoạt động 8 giờ/ngày);

- Phương thức xả khí thải: gián đoạn (Chỉ xả khi vận hành máy phát sinh bụi).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

TT	Thông số Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (hệ số K <sub>v</sub> =1,2; K <sub>p</sub> =0,9)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	216	<b>QCVN 19: 2009/BTNMT cột B</b>	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục

*b. Dòng khí thải 02: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt*

- Vị trí xả khí thải: tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý, toạ độ (X:2361951, Y:425159) (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.626 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 101.008 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

- Phương thức xả khí thải: liên tục (hoạt động 8 giờ/ngày)

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

TT	Thông số Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19: 2009/BTNMT cột B (hệ số K <sub>v</sub> =1,2; K <sub>p</sub> = 0,9)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	216	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1080		
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	918		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	540		

*c. Dòng khí thải 03: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn chà mặt của quy trình sơn*

- Vị trí xả khí thải: tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý, toạ độ (X:2362082.8, Y:423853.5) (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.000 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 200.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

- Phương thức xả khí thải: liên tục (hoạt động 8 giờ/ngày)

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

TT	Thông số Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (hệ số K <sub>v</sub> =1,2; K <sub>p</sub> = 0,9)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
----	---------------------------	--------	---	----------------------------	-----------------------------

TT	Thông số Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (hệ số $K_v=1,2$ ; $K_p=0,9$ )		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
				QCVN 19: 2009/BTNMT cột B		
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	216		06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục

d. Dòng khí thải 04: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy của quy trình sơn

- Vị trí xả khí thải: tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý, toạ độ (X:2362084.3, Y:423854.3) (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.736 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 181.888 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

- Phương thức xả khí thải: liên tục (hoạt động 8 giờ/ngày)

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT ( $K_v=1,2$ ;  $K_p=0,9$ ), cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT		
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	216	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục
2	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	01 năm/lần	
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870		
4	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	5		

### 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: 01 Nguồn phát sinh từ nhà xưởng 02 lắp đặt các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, tọa độ (X = 2362013; Y = 423892, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

### 4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

#### 4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

##### 4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Thành phần	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
Dầu tổng hợp thải	170203	Lỏng	60
Dầu truyền nhiệt thải (trung bình 3 năm thải bỏ 1 lần)	170304	Lỏng	8.600 (kg/3năm)
Găng tay, giẻ lau dính dầu	180201	Rắn	30
Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	Rắn	3
Bụi từ hệ thống xử lý bụi sơn	08 0101	Rắn	9.840
<b>Tổng</b>			<b>12.799,67</b>

#### **4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt thông thường phát sinh:**

Chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, thức ăn thừa, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng phát sinh khoảng 24kg/ngày

#### **4.1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất phát sinh:**

Chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 6.801,5 kg/tháng

### **4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

#### **4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

##### a. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 02 thùng 120 lít, có nắp đậy, có dán tên, nhãn CTNH tương ứng với găng tay, giẻ lau dính dầu và bóng đèn huỳnh quang thải và 01 thùng 240 lít có nắp đậy, có dán tên, nhãn CTNH tương ứng để lưu chứa bụi từ hệ thống xử lý bụi sơn. Đối với CTNH dạng lỏng như dầu thải bố trí thùng phuy 120 lít có nắp đậy kín và dán tên, mã CTNH tương ứng

##### b. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 20 m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất khoảng 01 lần/năm hoặc khi thùng chứa đầy. Riêng đối với dầu truyền nhiệt thải, do lượng phát sinh mỗi lần thay thế tương đối lớn nên chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý ngay khi phát sinh.

#### **4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:**

##### a. Thiết bị lưu chứa

Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom lưu chứa bằng bao dứa, thùng 120 lít có nắp đậy để thu gom hàng ngày đặt tại khu vực lưu giữ CTR công nghiệp thông thường.

##### b. Khu vực lưu chứa:

Chủ dự án bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường ở bên ngoài nhà xưởng, có mái che bằng tôn diện tích khoảng 27,8 m<sup>2</sup>, có dán

biên báo

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất khoảng 01 tuần/lần.

**4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

**a. Thiết bị lưu chứa:**

Chủ dự án bố trí các thùng chứa rác thải bằng nhựa có nắp đậy: 01 thùng dung tích 120 lít ở bếp ăn, 01 thùng 60 lít ở khu vực văn phòng để chứa rác thải sinh hoạt phát sinh.

**b. Kho chứa:**

Không bố trí. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất khoảng 01 ngày/lần.

**5. Thời gian đề nghị cấp phép: 10 năm**



## CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, cụ thể như sau:

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

#### 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

##### 1.1.1. Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải chà mặt và lò dầu truyền nhiệt

Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải chà mặt và lò dầu truyền nhiệt, dự án hiện đang thực hiện vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường được cấp theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Lạng Giang.

Kết quả đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình chà mặt, cắt cạnh:

Đơn vị: mg/Nm<sup>3</sup>

TT	Thông số phân tích	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>
		Lần 1 (15/5/2024)	Lần 2 (16/5/2024)	Lần 3 (17/5/2024)	
1	Bụi tổng	75	74	69	216
Lưu lượng thải (m <sup>3</sup> /giờ)		7.477	7.598	7.274	-

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 0,9$  tương ứng với  $20.000 < P_{KT} \leq 100.000m^3/h$ ).*

$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).

**Nhận xét:** Các thông số đo được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,  $C_{max}$ .

Kết quả đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò đầu truyền nhiệt

Đơn vị: mg/Nm<sup>3</sup>

TT	Thông số phân tích	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $C_{max}$
		Lần 1 (15/5/2024)	Lần 2 (16/5/2024)	Lần 3 (17/5/2024)	
1	SO <sub>2</sub>	225,05	230,3	109,2	540
2	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	64,4	64,2	62,17	918
3	CO	971,05	858,6	866,9	1080
4	Bụi tổng	68	71	71	216
Lưu lượng thải (m <sup>3</sup> /giờ)		5.226	5.566	5.951	-

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:

$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.

$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 0,9$  tương ứng với  $20.000 < P_{KT} \leq 100.000m^3/h$ ).

$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).

**Nhận xét:** Các thông số đo được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,  $C_{max}$ .

**Đánh giá chung:** Kết quả quan trắc chất lượng khí thải của dự án cho thấy: hiệu suất xử lý công trình xử lý khí thải của Công ty TNHH gỗ ván ép Tân

Tạo đạt hiệu quả xử lý cao, các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,  $C_{max}$ .

**1.1.2. Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi hữu cơ**

STT	Hệ thống, công trình vận hành thử nghiệm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý bụi sơn công suất	15/07/2024	15/08/2024	Công suất tối đa
2	Hệ thống xử lý hơi sơn công suất	15/07/2024	15/08/2024	Công suất tối đa

**1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:**

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Lấy mẫu khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn	Bụi tổng	01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp	- Lần 1: Ngày 23/07/2024 - Lần 2: Ngày 24/07/2024 - Lần 3: Ngày 25/07/2024
2	Lấy mẫu khí thải sau hệ thống xử lý hơi sơn	Bụi tổng, Toluen, Xylen, Benzen		- Lần 1: Ngày 23/07/2024 - Lần 2: Ngày 24/07/2024 - Lần 3: Ngày 25/07/2024

- Thông số giám sát khí thải của hệ thống xử lý bụi sơn: Bụi tổng. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (hệ số  $K_v=1,2$ ;  $K_p=0,9$ ).

- Thông số giám sát khí thải hệ thống xử lý hơi hữu cơ: Bụi tổng, Toluen, Xylen, Benzen. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (hệ số  $K_v=1,2$ ;  $K_p=0,9$ ); QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

**1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên & Môi trường Bắc Giang

+ Người đại diện: (Ông) Vũ Hoàng Giang - Giám đốc

+ Địa chỉ liên hệ: Tầng 1 - Tòa liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp, Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Điện thoại: 0204.3.555.764

**2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật**

**\* Giám sát môi trường nước thải**

Căn cứ Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

**\* Giám sát môi trường khí thải**

Dự án thuộc số thứ tự 9 Cột 6 Phụ lục XXIX và căn cứ Khoản 3 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nên dự án thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ đối với dòng khí thải theo quy định, cụ thể:

*\* Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi từ máy chà mặt:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm trích trên ống thoát sau hệ thống xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông số giám sát: Bụi tổng

- Tần số giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, ( $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$ )

*\* Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò dầu truyền nhiệt:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm trích trên ống thoát khí sau hệ thống xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>), SO<sub>2</sub>

- Tần số giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ Hệ thống xử lý hơi axit: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với đối với bụi và các chất vô cơ, ( $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$ )

\* Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn chà mặt của quy trình sơn:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm trích trên ống thoát sau hệ thống xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông số giám sát: Bụi tổng

- Tần số giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với đối với bụi và các chất vô cơ, ( $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$ )

\* Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn sấy của quy trình sơn

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm trích trên ống thoát sau hệ thống xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông số giám sát: Bụi tổng, Toluene, Xylen, Benzen

- Tần số giám sát:

+ Bụi tổng: 06 tháng/lần.

+ Toluene, Xylen, Benzen: 01 năm/lần

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với đối với bụi và các chất vô cơ, ( $K_p = 0,9$ ,  $K_v = 1,2$ );

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

### **3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án:**

- Đối với nước thải: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đối với khí thải: Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết tuân thủ các Điều khoản theo Quyết định phê duyệt báo cáo này và Chấp hành nghiêm chỉnh các Điều khoản quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.
- Đối với nước thải: hợp đồng với chủ nhà xưởng cho thuê (Công ty cổ phần đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc) thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;
- Đối với khí thải:
  - + Bụi từ máy chà mặt: Xử lý khí thải đạt quy chuẩn hiện hành (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số  $K_v=1,2$ ;  $K_p= 0,9$ ) trước khi xả ra ngoài môi trường.
  - + Khí thải lò dầu truyền nhiệt: Xử lý khí thải đạt quy chuẩn hiện hành (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số  $K_v=1,2$ ;  $K_p= 0,9$ ) trước khi xả ra ngoài môi trường.
  - + Bụi sơn: Xử lý khí thải đạt quy chuẩn hiện hành (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số  $K_v=1,2$ ;  $K_p= 0,9$ ) trước khi xả ra ngoài môi trường.
  - + Hơi hữu cơ: Xử lý khí thải đạt quy chuẩn hiện hành (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số  $K_v=1,2$ ;  $K_p= 0,9$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra ngoài môi trường.
- Đối với các loại chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại) chủ dự án cam kết thu gom xử lý theo đúng quy định.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành sự kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan có chức năng.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố về môi trường.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH BẮC GIANG  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2400943725

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 08 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 13 tháng 10 năm 2022

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW CREATE PLYWOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Cụm công nghiệp Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0818565360

Fax:

Email: newcreate@goldpromises.com

Website:

**3. Vốn điều lệ**

6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: HỨA NGỌC BÌNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024089009239

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Bản Lò Than, Xã Canh Nậu, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Bản Lò Than, Xã Canh Nậu, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**





\* Họ và tên: HỨA NGỌC BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024089009239

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Bản Lò Than, Xã Canh Nậu, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Bản Lò Than, Xã Canh Nậu, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt  
Nam

CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số CT:.....324 Q.Số:.....01.SCT/BS  
Ngày.....11 tháng.....02 năm 20...22

TRƯỞNG PHÒNG



NGUYỄN VŨ ĐIỂN



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN VĂN TÙNG



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG**

Số: 03.2023/HĐTNX

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm có :

(Sau đây được gọi tắt là "BÊN A")

**BÊN CHO THUÊ BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI BẢO NGỌC**

Địa chỉ: Cụm CN Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang

Mã số doanh nghiệp: 2400410759

Người đại diện: Nguyễn Văn Thùy - Chức vụ : Giám đốc

Là chủ sở hữu của nhà xưởng và công trình xây dựng cho thuê lô đất tại Cụm CN Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang

TK : 205 035 8888 tại Ngân hàng Vietcombank Bắc Giang

(Sau đây được gọi tắt là "BÊN B")

**BÊN THUÊ BÊN B: CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO**

Địa chỉ: Cụm CN Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang

Mã số doanh nghiệp: 2400943725

Người đại diện: Hứa Ngọc Bình -Chức vụ: Giám đốc

Hộ CCCD: 024089009239

Cấp ngày: 12/08/2021

Tại: Cục cảnh sát quản lý hành chính

(Sau đây được gọi tắt là "BÊN B")

**HAI BÊN CÙNG THỎA THUẬN NHƯ SAU**

**Điều 1: TÀI SẢN THUÊ & MỤC ĐÍCH THUÊ**

1.1 Tài sản thuê: Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê nhà xưởng thuộc quyền sử dụng của Bên A với tại lô đất tại Cụm CN Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, Huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đơn giá cụ thể như sau:

Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT

STT	Hạng mục	Diện tích M2	Đơn giá USD	Thành tiền USD	Ghi chú
1	Nhà Xưởng (Tầng 1)	3.825	3	11.475	Giá chưa bao gồm VAT
2	Nhà Bảo vệ	15	2.5	37.5	Giá chưa bao gồm VAT
3	Nhà xe	250	2.5	625	Giá chưa bao gồm VAT
4	Nhà ăn	50	2.5	125	Giá chưa bao gồm VAT
5	Sân + đường đi nội bộ	4.444,62	1,3	5.778	

**1.2. Mục đích thuê:** làm nhà xưởng sản xuất gỗ ép theo đúng giấy chứng nhận đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê chuẩn.

**Điều 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG:**

- Thời hạn hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 07/03/2023 đến ngày 07/03/2033, Bên A bàn giao nhà xưởng cho Bên B, ngày 01 tháng 03 năm 2023 và bắt đầu tính tiền thuê nhà xưởng từ ngày bên A hoàn thành giấy phép cho thuê nhà xưởng ngày 07/03/2023
- Sau khi hết hạn hợp đồng 10 năm, tùy theo tình hình thực tế hai bên có thể gia hạn. Việc gia hạn hợp đồng phải được hai bên đàm phán, thoả thuận trước khi Hợp đồng hết hạn ít nhất 03 tháng.

**Điều 3: GIÁ THUÊ:**

- Giá thuê nhà xưởng : 18.040,5USD /tháng ( Chưa bao gồm VAT)  
(Bằng chữ: Mười tám nghìn không trăm bốn mươi phẩy năm đô la Mỹ/ tháng )
- Đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT, mức thuế theo quy định hiện hành về thuế
- Các loại phí như: phí sử dụng hạ tầng trong KCN, phí xử lý nước thải (nếu có), hóa đơn điện, nước và chi phí viễn thông... Bên B có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng theo thực tế sử dụng với nhà cung cấp.
- Giá thuê cố định trong 3 năm đầu từ 07/03/2023 đến 07/03/2026.
- Năm thứ 4 trở đi sẽ điều chỉnh giá tăng chu kỳ tăng ba năm 1 lần nhưng không quá 5% của kỳ trước.

**Điều 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**4.1. Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản

- Tiền thuê nhà xưởng được tính bằng đô la Mỹ, thanh toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá USD bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm thanh toán.
- Phí chuyển tiền bên B chịu.

**4.2. Đặt cọc**

- Bên B đặt cọc cho Bên A một khoản tiền tương đương với 02 tháng tiền thuê tài sản là : 36.081USD. Số tiền này Bên A sẽ hoàn trả lại cho Bên B khi thời hạn thuê chấm dứt với điều kiện nhà xưởng và kiến trúc nhà xưởng khi bàn giao lại vẫn giữ nguyên trạng (không tính hao mòn tự nhiên).
- Nếu một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước 03 tháng.
- Nếu bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng trước mà thương lượng giữa hai bên không thành thì bên A phải hoàn trả hai tháng tiền đặt cọc và tiền thuê nhà chưa hết hạn cho bên B và bồi thường cho bên B số tiền tương đương với hai tháng tiền thuê và toàn bộ chi phí lắp đặt.
- Nếu bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng, nhưng hai bên đàm phán không đi đến thống nhất, thì 02 tháng tiền đặt cọc thuê nhà xưởng dùng làm tiền bồi thường cho bên A và trong 20 ngày phải chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi khu vực thuê.

**4.3 Kỳ thanh toán**

- Bên B sẽ thanh toán cho bên A tiền thuê nhà xưởng 06 tháng một lần.

**Số tiền: 18.040,5USD x 6 tháng = 108.243USD**

(Bằng chữ: Một trăm linh tám nghìn, hai trăm bốn mươi ba Đô La Mỹ)

- Trong kỳ thanh toán đầu tiên, tiền thuê nhà xưởng 06 tháng và tiền đặt cọc + 50% phí PCCC được thanh toán thành 02 lần + Thanh toán lần 1: Bên B đã chuyển tiền đặt cọc trước cho bên A là 500.000.000đ ( Năm trăm triệu đồng chẵn).

+ Thanh toán lần 2: Số tiền đặt cọc còn lại và 06 tháng tiền thuê nhà và 50% phí phòng cháy chữa cháy tự động (1.753.500.000vnd), bên B sẽ chuyển cho bên A trong vòng 07 Ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Trong vòng 7 ngày nếu Bên B không hoàn thành tiền đặt cọc và tiền thuê nhà đợt 1 và 50% chi phí phòng cháy chữa cháy thì bên A có quyền giữ lại số tiền 500.000.000 triệu đồng Bên B đã thanh toán.

- Các kỳ thanh toán tiếp theo việc thanh toán được thực hiện trong vòng 10 ngày đầu tiên của các kỳ thanh toán

- Nếu Bên B không thanh toán đúng thời hạn thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và Bên B không có quyền nhận lại tiền cọc tương đương với 02 tháng tiền thuê nhà xưởng

## **ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

### **5.1. Nghĩa vụ:**

- Bên A cam kết quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà xưởng của mình là hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B sử dụng nhà xưởng thuê một cách hiệu quả.

- Bên A cam kết được quyền cho thuê tài sản thuê được quy định tại Khoản 1.1 Điều 1 hợp đồng này.

- Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT cho bên B khi bên B thanh toán đủ tiền

- Bên A cung cấp cho Bên B sơ đồ diện tích cho thuê xưởng,

Xưởng Tầng 1 Bên B lắp đặt máy móc sản xuất, tầng 2 Bên A thiết kế 4 phòng nghiệp vụ, diện tích và vị trí từng phòng căn cứ theo nhu cầu của Bên B

- Bên A cung cấp trạm điện 1000KVA cho Bên B để phục vụ hoạt động sản xuất. Bên B thanh toán theo giá điện của Nhà nước và hóa đơn tiền điện thể hiện tên Công ty Bên B (Bên A phối hợp để làm thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước ) Bên B sẽ không thanh toán bất kỳ khoản phí biến áp nào ngoài tiền điện. Bên B chỉ chịu trách nhiệm thanh toán tiền điện do tiêu thụ điện phát sinh.

- Bên A chịu trách nhiệm bảo dưỡng trạm biến áp

- Bên A chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất hàng năm với cơ quan chức năng của nhà nước.

- Bên A có trách nhiệm lắp đặt hệ thống cấp nước, chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy bên ngoài và bên trong nhà xưởng và chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền khi kiểm định hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Bên A có trách nhiệm xây dựng hệ thống chữa cháy tự động và trang bị hệ thống chữa cháy đủ tiêu chuẩn.

Tổng kinh phí chữa cháy của nhà máy là: 3.507.000.000 (Ba tỉ năm trăm linh bảy triệu đồng)

Bên B có trách nhiệm thanh toán trước cho Bên A 50% số tiền là: 1.753.500.000 VNĐ (Một tỉ, bảy trăm năm mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

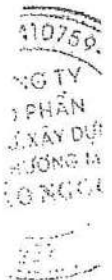
Bên B sẽ trừ 50% chi phí phòng cháy và chữa cháy tự động vào tiền thuê nhà xưởng trong vòng 3 năm, số tiền trích hàng tháng: 48.708.333 đồng (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm linh tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)

- Bên A chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của bên B đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra ngoài môi trường theo quy định. (Chi phí do bên A chịu trách nhiệm)

- Bên A chịu trách nhiệm khoan một giếng khoan và một máy bơm cho bên B sử dụng. (Chi phí do bên A chịu trách nhiệm)

- Bên A có trách nhiệm làm 02 phòng vệ sinh bên ngoài hai bên xưởng để công nhân dùng.

- Nâng cao tường tôn bao phía trước và tường gạch phía sau cao 2,5-3m (Nếu như theo thiết kế phần tường gạch phía sau không xây được lên 2,5-3m thì Bên A phải bổ sung chiều cao bằng lưới B40 để đảm bảo an toàn cho Bên B sản xuất kinh doanh) . Phần ranh giới giữa bãi xe và nhà xưởng làm hàng rào lưới B40 cao 2,5-3m. cửa cổng tôn kín cao 2,5-3m, phần giáp ranh giữa cổng và xưởng bên cạnh làm hàng rào B40 cao 2,5-3m. Cho phép bên B trồng cây leo rào để đảm bảo môi trường xanh và kín đáo.



- Bên A hỗ trợ Bên B làm các thủ tục với cơ quan chức năng liên quan đến việc xin cấp điện và Bên B trực tiếp nộp tiền điện cho cơ quan chức năng.
- Khi hợp đồng kết thúc, Bên A có trách nhiệm hoàn lại cho Bên B số tiền Bên B đã đặt cọc tương đương với 02 tháng tiền thuê tài sản tại Điều 4.2 của Hợp đồng này với điều kiện tài sản thuê còn nguyên trạng như khi bàn giao cho Bên B (trừ những hao mòn tự nhiên) và Bên B đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Bên A, và các nhà cung cấp dịch vụ mà Bên B sử dụng như Internet, điện, nước, điện thoại, vv...

## **5.2. Quyền lợi:**

- Yêu cầu Bên B thanh toán tiền thuê tài sản theo đúng Điều 4 tại Hợp đồng này. Trường hợp Bên B thanh toán tiền thuê tài sản không đúng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thì Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng, thu hồi nhà xưởng và giữ lại toàn bộ tiền đặt cọc của Bên B.
- Có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không phải trả lại tiền đặt cọc cho Bên B nếu Bên B sử dụng tài sản thuê trái pháp luật hoặc không đúng với mục đích thuê đã nêu tại Điều 1.2 của Hợp đồng này.
- Khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn, Bên A được nhận lại nguyên trạng tài sản thuê như khi bàn giao cho Bên B (trừ những hao mòn tự nhiên). Trường hợp Bên B đã xây dựng cải tạo tài sản thuê (Bên B phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A), Bên A không phải thanh toán giá trị xây dựng cải tạo đó khi nhận lại tài sản. Bên B không phải trả tăng chi phí phần cải tạo thêm
- Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại trong trường hợp Bên B có lỗi gây ra trong quá trình sử dụng tài sản thuê hoặc Bên B vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng này gây ra.
- Bên A phải hoàn thành xong các thủ tục giấy tờ liên quan đến nhà xưởng như : giấy tờ đất , giấy phép cho thuê xưởng (nhà xưởng đủ tiêu chuẩn để sản xuất) phòng cháy chữa cháy.

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:**

### **6.1. Nghĩa vụ:**

- Bên B lắp đặt máy móc sản xuất gỗ ván ép (được phép đào nền lắp máy) cam kết sử dụng tài sản thuê đúng mục đích thuê đã nêu tại Điều 1.2 của Hợp đồng này.
- Khi cần sửa chữa, cải tạo lại tài sản thuê theo nhu cầu sử dụng riêng, Bên B phải thông báo cho Bên A và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A thì mới được tiến hành.
- Bên B cam kết thanh toán cho Bên A tiền thuê nhà xưởng tài sản đầy đủ và đúng thời hạn như nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này.
- Bên B sẽ trừ 50% chi phí phòng cháy và chữa cháy tự động vào tiền thuê nhà xưởng trong vòng 3 năm, số tiền trích hàng tháng: 48.708.333 đồng. (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)
- Bên B cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng như đăng ký trong Giấy chứng nhận đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam trong suốt quá trình hoạt động tại khu vực thuê. Tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- Bên A có trách nhiệm mua và lắp đặt máy biến áp 1000KVA, Bên B tự kéo dây từ trạm biến áp về xưởng (Bên A có thể hỗ trợ gọi người kéo Bên B thanh toán chi phí khoản kéo dây), Bên B sử dụng điện nhưng không vượt quá công suất 1000KVA. Nếu bên B có lỗi làm nổ trạm biến áp thì bên B phải chịu mọi trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A.
- Bên B không được cho cá nhân, tổ chức khác thuê lại, chuyển nhượng, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuê cho cá nhân, tổ chức khác khi chưa được ủy quyền. Bên B không được lấy nhà xưởng làm tài sản thế chấp. Bên B có quyền sử dụng máy móc thiết bị của chính công ty mình để vay thế chấp ngân hàng.
- Bên B phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong và xung quanh khu vực thuê. Trong trường

hợp cháy nổ, mất an toàn lao động, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- Bên B chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu Bên B gây ra cho bất kỳ bên thứ ba nào trong quá trình sử dụng tài sản thuê

- Nếu bên B vi phạm các quy định của Chính phủ do gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu vực thuê thì bên B phải chịu trách nhiệm.

- Nếu trong quá trình Bên B hoạt động sản xuất kinh doanh bị dân cư xung quanh gây khó khăn, ảnh hưởng thiệt hại đến sản xuất kinh doanh thì bên A phối hợp hỗ trợ xử lý giải quyết, bảo vệ lợi ích của Bên B

- Bên B phải mua bảo hiểm nhà xưởng thuê trước khi đi vào sản xuất và trong hợp đồng mua bảo hiểm nhà xưởng quyền thụ hưởng bảo hiểm thuộc về bên B nhận được bảo hiểm. Bên B có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng xưởng lúc ban đầu (không tính hao mòn tự nhiên) cho Bên A.

- Bên B tự chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản, vật tư hàng hóa của mình

- Bên B chỉ được phép sử dụng các khu vực ghi trong Điều 1 của hợp đồng này và các khu vực công cộng trong hàng rào, đồng thời Bên A cung cấp cho Bên B bản vẽ quy hoạch nhà máy và diện tích sử dụng (các khu vực công cộng trong hàng rào được sử dụng miễn phí). Nếu bên B có nhu cầu sử dụng phần diện tích không ghi trong hợp đồng thì bên B phải thông báo cho bên A biết, hai bên cùng bàn bạc và lập phụ lục hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm làm việc trực tiếp với cơ quan cảnh sát PCCC để có nội dung, phương án PCCC. Nếu để xảy ra hỏa hoạn, Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba (nếu có)

- Bảo quản, sử dụng nhà xưởng, kho bãi theo đúng công năng, thiết kế và thỏa thuận trong hợp đồng.

- Phải tự chi trả cho những phần sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng nhà xưởng, kho bãi trong suốt thời gian thuê. Bên A chịu trách nhiệm những thiệt hại do thiên tai và các yếu tố tự nhiên.

- Bên B giao cho bên A những giấy tờ liên quan đến tư cách pháp nhân như Giấy Phép thành lập ( bản sao chức thực, hộ chiếu người đại diện theo pháp luật) và các hồ sơ liên quan để bên A xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## **6.2. Quyền :**

- Có quyền sử dụng mặt bằng nhà xưởng đã thuê của Bên A cho mục đích sử dụng như trong cam kết giữa 02 bên được quy định tại điều 1.2.

- Có quyền nhận lại và tháo dỡ trang thiết bị, tài sản Bên B mua và lắp đặt trong xưởng thuê khi bàn giao lại xưởng thuê cho Bên A và việc tháo dỡ này Bên B cam kết không làm giảm giá trị và công năng của nhà xưởng thuê.

- Bên B Được nhận lại số tiền đặt cọc như nêu tại Điều 4.2 khi Hợp đồng hết hạn với điều kiện tài sản thuê còn nguyên trạng như khi bàn giao cho Bên B (trừ những hao mòn tự nhiên) và Bên B đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Bên A, phí sử dụng hạ tầng trong KCN, phí xử lý nước thải với các cơ quan chức năng (nếu có) và các nhà cung cấp dịch vụ mà Bên B sử dụng như Internet, điện, nước, điện thoại, vv... trong suốt thời gian thuê.

## **ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng thuê nhà xưởng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Hết hạn thuê nhà xưởng theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

- Việc một trong hai bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, bên muốn chấm dứt phải thông báo cho phía bên kia trước 03 tháng bằng văn bản với lý do được cả hai bên chấp nhận.

- Vi phạm nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

- Một bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng và bên kia đề nghị chấm dứt hợp đồng.

- Theo đề nghị của các bên.

**- Bất khả kháng:**

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan không thể tránh được và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như thiên tai, động đất, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, sự thay đổi thể chế, chính sách và quy hoạch của nhà nước, vv...

Khi hợp đồng bị chấm dứt theo điều khoản này, hai bên sẽ được miễn trừ những trách nhiệm quy định tại hợp đồng này tính từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, hai bên vẫn phải hoàn thành hết những nghĩa vụ quy định tại hợp đồng này mà chưa được thực hiện đến thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, đồng thời bồi thường những thiệt hại xảy ra cho bên bị vi phạm nếu việc chấm dứt hợp đồng này do lỗi của một bên gây ra.

**ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng trên tinh thần hợp tác và tôn trọng những quyền lợi chính đáng của nhau.

- Trong trường hợp không thương lượng được, hai bên sẽ đưa vụ việc ra tòa án Bắc Giang để giải quyết theo pháp luật Việt Nam. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng, hai bên phải tuân theo. Mọi chi phí sẽ do bên có lỗi trả.

**ĐIỀU 9: CAM KẾT CHUNG**

- Sau khi Bên B thành lập xong Công ty ở Việt Nam, hai bên sẽ tiến hành ký lại hợp đồng mang tên Công ty của Bên B với giá thuê cộng thêm thuế GTGT để Bên A xuất hoá đơn đỏ cho Bên B. (Áp dụng mức thuế GTGT căn cứ theo quy định tại thời điểm thanh toán tiền)

- Bên A và Bên B cam kết tuân theo những nội dung và điều khoản trong hợp đồng này. Không một bên nào được tự ý thay đổi, điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng. Nếu cần thiết phải sửa đổi, hai bên có thể thoả thuận và chính thức ký phụ lục hợp đồng mới có hiệu lực.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung Quốc có cùng nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản. Hợp đồng sử dụng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Trung, lấy ngôn ngữ tiếng Việt làm chuẩn.

- Mọi nội dung, điều khoản trong Hợp đồng này đã được hai bên hiểu rõ trước khi ký.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN VĂN THUY**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**  
*Thị Ngọc Bình*



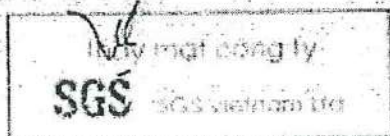
Test Report No. VNHL1706005967HG  
 CONGTYTNHHPHAT TRIEN CONG NGHIEP QUANG MINH  
 LO CN3-9-KHU B-KCN SONG CONG I, BACH QUANG, SONG CONG, THAI  
 NGUYEN, VIETNAM

The following sample was submitted and identified on behalf of the client as below:

SGS Job No.	VNHL1706005967HG
Sample Description	"KEO DAN E0 (QM—9105)
Style / Item No.	
Date of Production	02/01/2021
Color	"TRANG DUC"
Characteristic/ Material Type	
Buyer	LIQUID
Supplier	/
Manufacturer	/
Country of Origin	/
Country of Destination	VIETNAM
Sample Receiving Date Final	VIETNAM
confirmed Date Testing	Jan 02, 2021
Period	Jan 02, 2021
Test Requested	Jan 02, 2021 to Jan 15, 2021
Test Results	Please refer to the result summary.
Result Summary	Please refer to next page(s).

Test Requested	Conclusion
RoHS Directive 2011/65/EU Annex II [amended by Directive (EU) 2015/863	Pass/ See results

Signed for and on behalf of  
 SGS Vietnam Ltd



Tran Thi Lien

Hardline and E&E Lab Manager

*This document is issued by the Company under its General Conditions of Service printed overleaf available on request or accessed/le ar [www.sgs.com/termsandconditions](http://www.sgs.com/termsandconditions). In and for 4ecron/clormat doaiments. subject to Terms and Conditions for Electronic Coaiments at [www.sgs.com/termsandconditions](http://www.sgs.com/termsandconditions). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, any The Company's sderesponsibility to its Client and this doaiment does not exonerate parbes la a transaction mom exera'ing all her rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unaurthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested only.*

SGS Vietnam Ltd Office : 119-121 Vo Van Tan St. District 3 Ho Chi Minh City, S. R. Vietnam t (84-8) 3935 1920 f (84-8) 3935 1921 [www.sgs.com](http://www.sgs.com)  
 Lab : Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tan Binh IZ, Tan Phu District, HCMC, S.R. Vietnam t (84-8) 3816 0999 f (84-8) 3816 0996



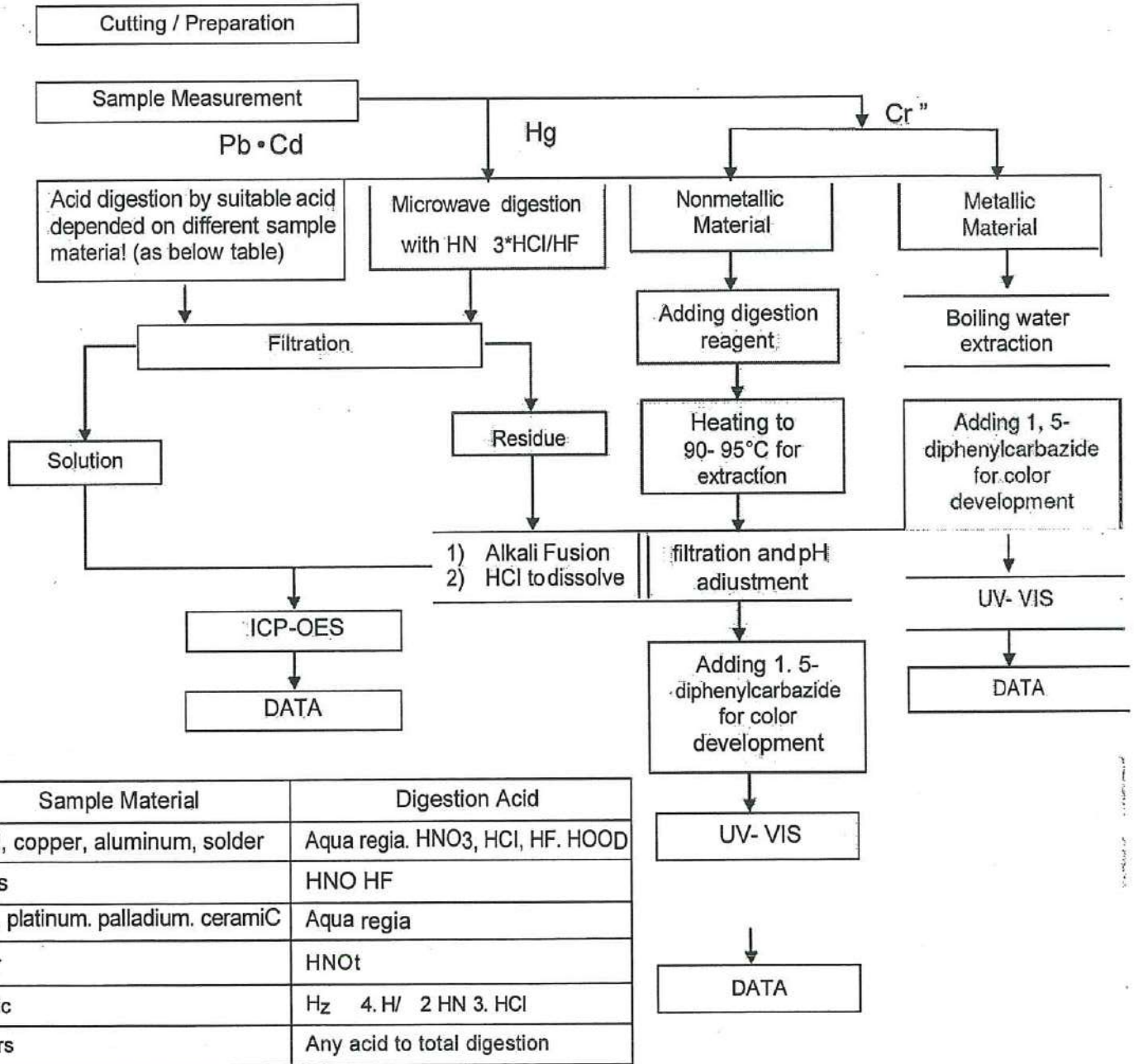




## Test Report No. VNHL1706005967HG

### Flow Chart for RoHS: Pb/Cd/Hg/Cr \* Testing

- 1) The samples were dissolved totally by pre-conditioning method according to below flow chart. (Cr<sup>6+</sup> test method excluded)
- 2) Operator: Mr. Tho
- 3) Section Chief: Mr. Hai



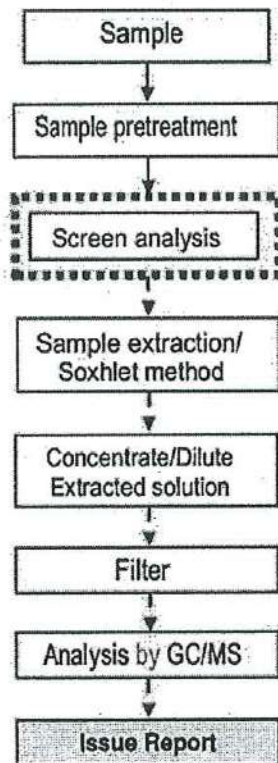
This document is issued by the Company under its General Conditions of Service printed overleaf, available on leanest or accessible at [www.sgs.com/terms\\_and\\_conditions.htm](http://www.sgs.com/terms_and_conditions.htm) and for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at [www.sgs.com/learn/e-document.htm](http://www.sgs.com/learn/e-document.htm). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues contained therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's Instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the moment of appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested only.



PBB/PBDE analytical FLOW CHART

- 1) Name of the person who made measurement: Mr. Quoc
- 2) Name of the person in charge of measurement: Mr. Hai

First testing process →  
 Optional screen process .....  
 Confirmation process - - - - -



*This document is issued by the Company under its General Conditions of Service printed on the report and available on the website [www.sgs.com/terms-and-conditions.htm](http://www.sgs.com/terms-and-conditions.htm) and for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at [www.sgs.com/terms-and-conditions.htm](http://www.sgs.com/terms-and-conditions.htm). Reason is drawn to the limit of the liability. Identification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that the information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested only.*





Sample photo:



SGS authenticate the photo on original report only

\*\* End of Report\*\*

*This document is issued by the Company under its General Conditions of Service printed on a separate sheet, available on request or accessible at [www.sgs.com/terms](http://www.sgs.com/terms) and too in electronic format documents, subject to terms and Conditions for Electronic Documents at [www.sgs.com/terms-electronic](http://www.sgs.com/terms-electronic). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to the Client and the damage it does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) presented.*

SGS Vietnam Ltd | Office : 119-121 Vo Van Tan St. District 3 Ho Chi Minh City, S. R. Vietnam T (84-8) 3935 1920 F (84-8) 3935 1921 [www.sgs.com](http://www.sgs.com)  
Lab : Lot III/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tan Binh IZ, Tan Phu District, HCMC, S.R. Vietnam T (84-8) 3816 0999 F (84-8) 3816 0996

Member of the SGS Group (SGS SAI)





Sample photo:



SGS authenticate the photo on original report only

“\* End of Report”\*

*This document is issued by the Company under its General Conditions of Service printed on a separate sheet, available on request or accessible at [www.sgs.com/terms](http://www.sgs.com/terms) and in electronic format documents, subject to terms and conditions for Electronic Documents at [www.sgs.com/terms](http://www.sgs.com/terms). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to the Client and the Company does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this report refer only to the sample(s) presented.*

SGS Vietnam Ltd

Office : 119-121 Vo Van Tan St. District 3 Ho Chi Minh City, S. R. Vietnam t (84-8) 3935 1920 f (84-8) 3935 1921 [www.sgs.com](http://www.sgs.com)  
Lab : Lot 11/21, 19/5A St. Industrial Group III, Tan Binh Z, Tan Phu District, HCMC, S.R. Vietnam t (84-8) 3816 0999 f (84-8) 3816 0996

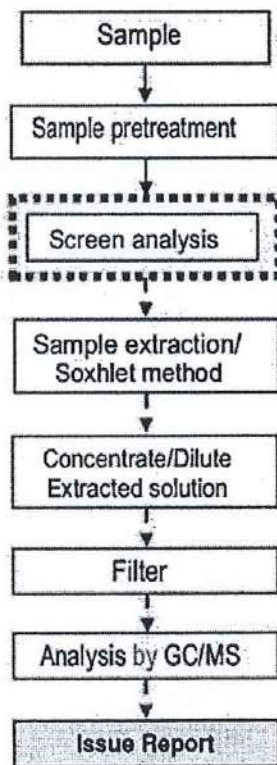
Member of the SGS Group (SGS SAI)



PBB/PBDE analytical FLOW CHART

- 1) Name of the person who made measurement: Mr. Quoc
- 2) Name of the person in charge of measurement: Mr. Hai

First testing process →  
 Optional screen process .....  
 Confirmation process -▶



*"This document is issued by the Company under its General Conditions of Service printed overleaf, available on request at [www.sgs.com/terms-and-conditions.htm](http://www.sgs.com/terms-and-conditions.htm) and for electronic format documents, subject to Terms and Conditions for Electronic Documents at [www.sgs.com/forms/e-document.htm](http://www.sgs.com/forms/e-document.htm). Reason is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) tested only."*



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Giang, ngày 15. Tháng 4. năm 2024

**BIÊN BẢN**  
**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**  
**Số: 04/NTKT/2024/TY-TT**

**Công trình:** Cải tạo hệ thống xử lý bụi gỗ, ống khói lò hơi

**Địa điểm thi công:** CCN Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**1. Thành phần tham gia nghiệm thu:**

**a. Đại diện chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO**

Ông: HỨA NGỌC BÌNH

- Chức vụ: Giám đốc

Ông: LA VĂN TƯỜNG

- Chức vụ: Phụ trách thiết bị

**b. Đại diện đơn vị thi công: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG TIANYU VIỆT NAM**

Bà: NGUYỄN HỒNG HẠNH

- Chức vụ: Giám đốc

Ông: TRẦN VĂN NGỌC

- Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

**2. Thời gian nghiệm thu**

Bắt đầu: 09 giờ 00 phút ngày 15. tháng 4. năm 2024

Kết thúc: 12 giờ 00 phút ngày 15 tháng 4. năm 2024

Tại: Công trường thi công thuộc khu vực hệ thống xử lý bụi gỗ, lò hơi

**3. Nội dung và trình tự nghiệm thu :**

**a. Tài liệu căn cứ để nghiệm thu:**

- Hồ sơ bản vẽ hoàn công, thuyết minh công nghệ, hướng dẫn vận hành

**b. Khối lượng nghiệm thu, bàn giao:**

STT	TÊN HÀNG MỤC	QUY CÁCH	ĐVT	SL
I	<b>Hệ thống xử lý bụi gỗ</b>			
1	Thiết bị xử lý lọc bụi túi vải	Kích thước: DxH: 4000x5500mm - Vật liệu: Thép CT3, tôn mạ kẽm	Cái	1
2	Hệ thống ống dẫn khí, Phụ kiện lắp đặt	Cút 90°, côn thu, cổ bạt, .... - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	Bộ	1





INVESTIGATION

REPORT ON THE PROCEEDINGS OF THE

COMMISSIONERS OF THE

STATE OF ALABAMA

IN THE MATTER OF THE

STATE OF ALABAMA

INVESTIGATION

REPORT

OF THE

COMMISSIONERS

OF THE STATE OF ALABAMA

1900

ALABAMA

STATE

OF

ALABAMA

INVESTIGATION

OF THE

COMMISSIONERS

OF THE

STATE OF

ALABAMA

1900



STATE OF ALABAMA		OFFICE OF THE ATTORNEY GENERAL	
1	2	3	4
5	6	7	8
9	10	11	12



3	Ống dẫn khí	KT: theo bản vẽ VL: Tôn mạ kẽm.	Gói	1
4	Quạt hút	380V/11kW Lưu lượng: 10.000 m <sup>3</sup> /h Áp suất: 3000 pA VL: Thép SS400	Bộ	1.0
5	Tủ điều khiển	Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện Phụ kiện tủ điện: Khởi, át, reol trung gian, cầu đấu, đèn báo, khởi, attomat, ... cáp dẫn điện Máng đi dây: Sơn tĩnh điện, ống luồn dây bằng nhựa Sản xuất: Việt Nam	Bộ	1.0
II	Cải tạo ống khói lò hơi	KT: D650 VL: Inox 304	M	3.6

#### 4. Đánh giá chất lượng:

Đạt yêu cầu.

#### 5. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành các hạng mục trên để đưa vào sử dụng.
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): *Không.*

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau

Các bên trực tiếp nghiệm thu thống nhất như trên./.



**CHỦ ĐẦU TƯ**



GIÁM ĐỐC

*Hứa Ngọc Bình*

**ĐƠN VỊ THI CÔNG**



*Thanh*

GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Hồng Thanh*





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Giang, ngày 24 Tháng 5. năm 2024

**BIÊN BẢN**  
**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**  
Số: 03/2024

Công trình: hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sơn

Địa điểm thi công: CCN Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**1. Thành phần tham gia nghiệm thu:**

a. Đại diện chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO**

Ông: HỨA NGỌC BÌNH - Chức vụ: Giám đốc

Ông: LA VĂN TƯỜNG - Chức vụ: Phụ trách thiết bị

b. Đại diện đơn vị thi công: **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MINH CHÂU**

Địa chỉ: số 81, đường Trần Quốc Toản, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ông: TRẦN VĂN NGỌC - Chức vụ: Giám đốc

**2. Thời gian nghiệm thu**

Bắt đầu: 09 giờ 00 phút ngày 24 tháng 5. năm 2024

Kết thúc: 10 giờ 30 phút ngày 24 tháng 5... năm 2024

Tại: Công trường thi công thuộc khu vực hệ thống xử lý khí thải

**3. Nội dung và trình tự nghiệm thu :**

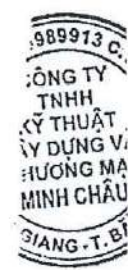
a. Tài liệu căn cứ để nghiệm thu:

- Hồ sơ bản vẽ hoàn công, thuyết minh công nghệ, hướng dẫn vận hành

b. Khối lượng nghiệm thu, bàn giao:

STT	TÊN HẠNG MỤC	QUY CÁCH	ĐVT	SL	GHI CHÚ
I	Hệ thống xử lý bụi sơn				
1	Thiết bị xử lý lọc bụi túi vải	Kích thước: DxRxH: 4000x2400x5000mm - Vật liệu: tôn mạ kẽm - Túi vải lọc bụi: D100	Cái	01	

2	Hệ thống ống dẫn khí, Phụ kiện lắp đặt	Cút 90°, côn thu, cổ bạt, .... - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	Bộ	01	
3	Ống dẫn khí, ống thoát khí	KT: theo bản vẽ VL: Tôn mạ kẽm.	Gói	01	
4	Quạt hút	380V/30kW Lưu lượng: 20000-25000 m <sup>3</sup> /h Áp suất: 3000-2250 pA VL: Thép SS400	Bộ	01	
5	Tủ điều khiển	Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện Phụ kiện tủ điện: Khởi, át, rorel trung gian, cầu đấu, đèn báo, khởi, attomat, ... cáp dẫn điện Máng đi dây: Sơn tĩnh điện, ống luồn dây bằng nhựa Sản xuất: Việt Nam	Bộ	01	
6	Chi phí lắp đặt hoàn thiện	Bao gồm vật tư phụ, giàn giáo, ty ren, nhân công lắp đặt, quản lý thi công,...	Gói	01	
<b>II</b>	<b>Hệ thống xử lý hơi sơn</b>				
1	Thiết bị xử lý hơi sơn	Kích thước: DxRxH: 2000x1100x1200mm - Vật liệu: INOX 304	Cái	1	
2	Bóng đèn UV	- Kiểu: Dạng ống - Đường kính: 15mm - Chiều dài bước sóng: 253,7nm - Điện áp: 220v/50hz	Bộ	60	
3	Hệ thống ống dẫn khí, Phụ kiện lắp đặt	Cút 90°, côn thu, cổ bạt, .... - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	Bộ	1	
4	Ống dẫn khí, ống thoát khí	KT: theo bản vẽ VL: Tôn mạ kẽm.	Gói	1	
5	Quạt hút	380V/18,5kW Lưu lượng: 9.581-22.736 m <sup>3</sup> /h Áp suất: 3825-2230 pA VL: Thép SS400	Bộ	1.0	
6	Tủ điều khiển	Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện Phụ kiện tủ điện: Khởi, át, rorel trung gian, cầu đấu, đèn báo, khởi, attomat, ... cáp dẫn điện Máng đi dây: Sơn tĩnh điện,	Bộ	1.0	



		ống luồn dây bằng nhựa Sản xuất: Việt Nam			
7	Chi phí lắp đặt hoàn thiện	Bao gồm vật tư phụ, giàn giáo, ty ren, nhân công lắp đặt, quản lý thi công,....	Gói	01	

**4. Đánh giá chất lượng:**

Đạt yêu cầu.

**5. Kết luận:**

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành các hạng mục trên để đưa vào sử dụng.
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): *Không.*

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau

Các bên trực tiếp nghiệm thu thống nhất như trên./.

**CHỦ ĐẦU TƯ**



GIÁM ĐỐC  
*Hữu Ngọc Bình*

**ĐƠN VỊ THI CÔNG**



GIÁM ĐỐC  
**TRẦN VĂN NGỌC**







SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp, Lô T2 đường  
Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204.3526.269 Fax: 0204 3540 408  
Email: ttqmtbacgiang@gmail.com Website: www.tnmtbacgiang.gov.vn

Số: 543

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại:

DỰ ÁN “ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO ”

Địa chỉ: Cụm CN Vôi - Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh  
Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)

I. THÀNH PHẦN:

1.1. Đơn vị lấy mẫu: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang

Ông (bà): Nguyễn Văn Giang

Ông (bà): Nguyễn Minh Khôi

Ông (bà): Nguyễn Tuấn Sơn

1.2. Đại diện cơ sở:

Ông (bà): Phạm Thị Nga

II. NỘI DUNG QUAN TRẮC:

\* Mục đích quan trắc: Quan trắc môi trường phục vụ kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cho Dự án của Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo  
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ	Thời gian
15/5/24/543/KT01	Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải	Bụi tổng	21.° 21' 06.31" N 106.° 10' 04.35" E	8.30 phút
15/5/24/543/KT02	Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi	Bụi tổng, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub>	21.° 21' 06.34" N 106.° 10' 04.93" E	14.30 phút

**Ghi chú:** Khí thải (KT)

\*Thời tiết: Trời nắng







**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG**  
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp, Lô T2 đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
 Điện thoại: 0204.3526.269 Fax: 0204 3540 408  
 Email: [ttqmtbacgiang@gmail.com](mailto:ttqmtbacgiang@gmail.com) Website: [www.tnmtbacgiang.gov.vn](http://www.tnmtbacgiang.gov.vn)

\* Thiết bị và phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu: đảm bảo theo quy định hiện hành

Thông số quan trắc	Phương pháp quan trắc	Thiết bị quan trắc	Phương pháp bảo quản
NOx; CO; SO <sub>2</sub>	BG-HDKT	Testo 350	Đo nhanh tại hiện trường
Bụi tổng	US.EPA Method 5	Isokinetic C5000	Điều kiện thường

**2.2. Hiện trạng cơ sở tại thời điểm lấy mẫu:**

..... Đang hoạt động.....  
 .....  
 .....

**2.3. Lưu mẫu (đối với mẫu nước và mẫu đất):**

Có lưu mẫu  Không lưu mẫu.

**Ghi chú:** Sau 07 ngày kể từ khi cơ sở nhận được kết quả phân tích nếu không có ý kiến phản hồi về Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang thì mẫu lưu sẽ được hủy.

Công việc bắt đầu 8 giờ 00 phút và kết thúc 17 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản được thành lập 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, giao cơ sở 01 bản, giao Trung tâm lưu 02 bản.



**ĐẠI DIỆN  
CƠ SỞ**

*Phạm Thị Hà*

**ĐẠI DIỆN  
TTQT TN&MT BẮC GIANG**

*Nguyễn Văn Giang*

**Nguyễn Văn Giang**





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	75	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.477 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lưu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtmbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án "Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo" Địa chỉ: Cụm CN Vôi - Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 15 - 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	68	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	225,05	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,4	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	971,05	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.226 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lựu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	75	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 7.477 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lưu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền







SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqtmnbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 15 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	68	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	225,05	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,4	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	971,05	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

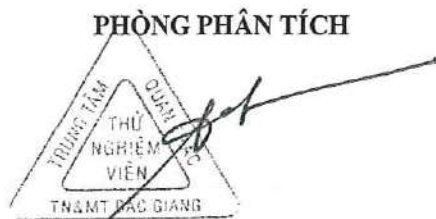
*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 5.226 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hương Lưu



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	75	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.477 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 15 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	68	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	225,05	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,4	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	971,05	BG-HDKT

Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ . Trong đó:

$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.

$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.226 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).

$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH  
TRUNG TÂM THỦ  
NGHIỆM VÀ  
VIỆN  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH BẮC GIANG

Phạm Hương Lưu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM THỦ  
NGHIỆM VÀ  
VIỆN  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	75	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 7.477 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lưu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08







SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án "Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo" Địa chỉ: Cụm CN Vôi - Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 15 - 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	68	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	225,05	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,4	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	971,05	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.226 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lộ



Nguyễn Thị Thu Huyền

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)				
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang				
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vô – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)				
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)				
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5				
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024				
TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	75	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

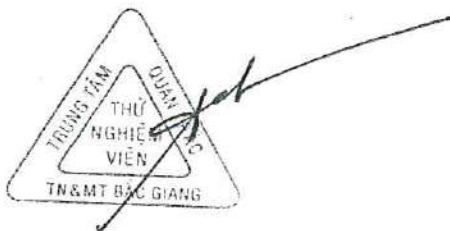
*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.477 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Liệu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 15/5/24/543/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án "Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo" Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 15/5/2024	Ngày phân tích: 15 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	68	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	225,05	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,4	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	971,05	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 5.226 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp, Lô T2 đường  
Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204.3526.269 Fax: 0204 3540 408  
Email: [ttqmtbacgiang@gmail.com](mailto:ttqmtbacgiang@gmail.com) Website: [www.tnmtbacgiang.gov.vn](http://www.tnmtbacgiang.gov.vn)

Số: 572

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại:

DỰ ÁN “ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO ”

Địa chỉ: Cụm CN Vôi - Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh  
Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)

I. THÀNH PHẦN:

1.1. Đơn vị lấy mẫu: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang

Ông (bà): Nguyễn Văn Giang

Ông (bà): Vũ Hoàng Minh Thọ

Ông (bà): Nguyễn Tuấn Sơn

1.2. Đại diện cơ sở:

Ông (bà): Phạm Thị Hà

II. NỘI DUNG QUAN TRẮC:

\* Mục đích quan trắc: Quan trắc môi trường phục vụ kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cho Dự án của Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo  
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ	Thời gian
16/5/24/572/KT01	Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải	Bụi tổng	21° 21' 06,31" N 106° 10' 04,35" E	5h30 phút
16/5/24/572/KT02	Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi	Bụi tổng, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub>	21° 21' 04,47" N 106° 10' 04,93" E	14h00 phút

**Ghi chú:** Khí thải (KT)

\*Thời tiết: Trời nắng







**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG**  
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp, Lô T2 đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204.3526.269 Fax: 0204 3540 408  
Email: [ttqmtbacgiang@gmail.com](mailto:ttqmtbacgiang@gmail.com) Website: [www.tnmtbacgiang.gov.vn](http://www.tnmtbacgiang.gov.vn)

\* Thiết bị và phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu: đảm bảo theo quy định hiện hành

Thông số quan trắc	Phương pháp quan trắc	Thiết bị quan trắc	Phương pháp bảo quản
NOx; CO; SO <sub>2</sub>	BG-HDKT	Testo 350	Đo nhanh tại hiện trường
Bụi tổng	US.EPA Method 5	Isokinetic C5000	Điều kiện thường

**2.2. Hiện trạng cơ sở tại thời điểm lấy mẫu:**

.....*Đang hoạt động*.....  
.....  
.....  
.....

**2.3. Lưu mẫu (đối với mẫu nước và mẫu đất):**

Có lưu mẫu  Không lưu mẫu.

**Ghi chú:** Sau 07 ngày kể từ khi cơ sở nhận được kết quả phân tích nếu không có ý kiến phản hồi về Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang thì mẫu lưu sẽ được hủy.

Công việc bắt đầu 8 giờ 0 phút và kết thúc 16 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản được thành lập 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, giao cơ sở 01 bản, giao Trung tâm lưu 02 bản.

**ĐẠI DIỆN  
CƠ SỞ**

*H*  
Phạm Thị Hà

**ĐẠI DIỆN  
TTQT TN&MT BẮC GIANG**

*Ng*

Nguyễn Văn Giang





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21 <sup>0</sup> 21'06,31"N; 106 <sup>0</sup> 10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	74	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 7.598 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21 <sup>0</sup> 21'04,34"N; 106 <sup>0</sup> 16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	230,3	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,2	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	858,6	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.566 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	74	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

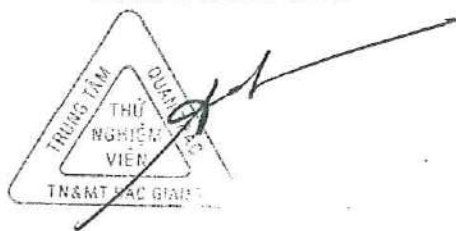
*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.598 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08







SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	230,3	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,2	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	858,6	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ . Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.566 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lựu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)				
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang				
Địa điểm lấy mẫu	Dự án "Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo" Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)				
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)				
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5				
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024				
TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	74	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 7.598 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	230,3	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,2	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	858,6	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.566 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án "Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo" Địa chỉ: Cụm CN Vôi - Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 17 - 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	74	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

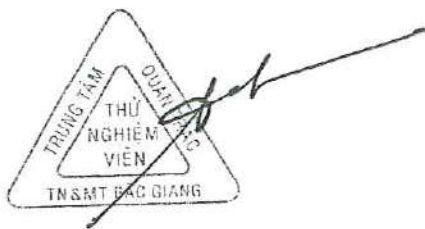
*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.598 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lưu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08







SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	230,3	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,2	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	858,6	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ . Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.566 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG**  
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(VILAS 395 - VIMCERTS 096)**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT01

Trang: 1/1

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU**

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	74	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.598 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

**PHÒNG PHÂN TÍCH**



**Phạm Hương Liệu**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Thu Huyền**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 16/5/24/572/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 16/5/2024	Ngày phân tích: 16 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	230,3	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	64,2	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	858,6	BG-HDKT

Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:

$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.

$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.566 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).

$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp, Lô T2 đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0204.3526.269

Fax: 0204 3540 408

Email: [ttqmtbacgiang@gmail.com](mailto:ttqmtbacgiang@gmail.com)

Website: [www.tnmtbacgiang.gov.vn](http://www.tnmtbacgiang.gov.vn)

Số: 587

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại:

DỰ ÁN “ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO ”

Địa chỉ: Cụm CN Vôi - Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)

I. THÀNH PHẦN:

1.1. Đơn vị lấy mẫu: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang

Ông (bà): Nguyễn Văn Giang

Ông (bà): Vũ Hoàng Minh Thọ

Ông (bà): Nguyễn Tuấn Sơn

1.2. Đại diện cơ sở:

Ông (bà): Phạm Thị Nga

II. NỘI DUNG QUAN TRẮC:

\* Mục đích quan trắc: Quan trắc môi trường phục vụ kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cho Dự án của Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo – Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ	Thời gian
17/5/24/587/KT01	Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải	Bụi tổng	$21^{\circ}21'06.11''$ N $106^{\circ}10'07.36''$ E	13.h.30.phút
16/5/24/587/KT02	Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi	Bụi tổng, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub>	$21^{\circ}21'06.11''$ N $106^{\circ}16'07.36''$ E	15.h.20.phút

Ghi chú: Khí thải (KT)

\*Thời tiết: Trời nắng

BM/11.02-LBH: 08









**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG**  
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp, Lô T2 đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0204.3526.269

Fax: 0204 3540 408

Email: [ttqtmibacgiang@gmail.com](mailto:ttqtmibacgiang@gmail.com)

Website: [www.tnmtbacgiang.gov.vn](http://www.tnmtbacgiang.gov.vn)

\* Thiết bị và phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu: đảm bảo theo quy định hiện hành

Thông số quan trắc	Phương pháp quan trắc	Thiết bị quan trắc	Phương pháp bảo quản
NO <sub>x</sub> ; CO; SO <sub>2</sub>	BG-HDKT	Testo 350	Đo nhanh tại hiện trường
Bụi tổng	US.EPA Method 5	Isokinetic C5000	Điều kiện thường

**2.2. Hiện trạng cơ sở tại thời điểm lấy mẫu:**

.....*Đang hoạt động*.....  
 .....  
 .....  
 .....

**2.3. Lưu mẫu (đối với mẫu nước và mẫu đất):**

Có lưu mẫu

Không lưu mẫu.

**Ghi chú:** Sau 07 ngày kể từ khi cơ sở nhận được kết quả phân tích nếu không có ý kiến phản hồi về Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang thì mẫu lưu sẽ được hủy.

Công việc bắt đầu 13 giờ 00 phút và kết thúc 18 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản được thành lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, giao cơ sở 01 bản, giao Trung tâm lưu 01 bản.



**ĐẠI DIỆN  
CƠ SỞ**

*Phạm Thị Hà*

**ĐẠI DIỆN  
TTQT TN&MT BẮC GIANG**

*Nguyễn Văn Giang*

**Nguyễn Văn Giang**





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21 <sup>o</sup> 21'06,31"N; 106 <sup>o</sup> 10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 20 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	69	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 7.274 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Liệu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền





**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG**  
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(VILAS 395 - VIMCERTS 096)**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT02

Trang: 1/1

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU**

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	190,2	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	62,17	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	866,9	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp. C<sub>max</sub> = C × K<sub>p</sub> × K<sub>v</sub>; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

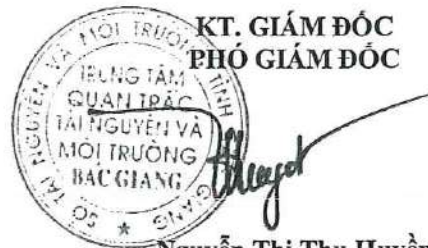
*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 5.951 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 20 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	69	US EPA METHOD 5

Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ . Trong đó:

$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.

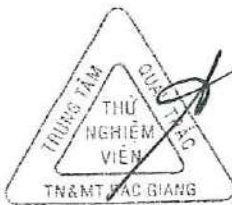
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.

$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.274 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).

$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền







SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	190,2	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	62,17	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	866,9	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.951 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 20 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	69	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ . Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 7.274 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lộ

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21 <sup>0</sup> 21'04,34"N; 106 <sup>0</sup> 16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	190,2	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	62,17	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	866,9	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

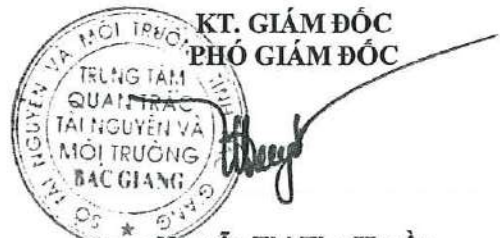
*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 5.951 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT01

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 20 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	69	US EPA METHOD 5

Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ . Trong đó:

$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.

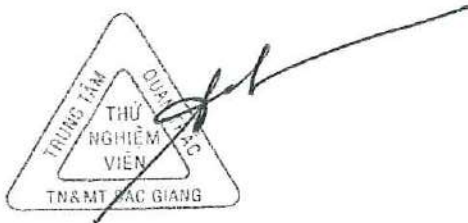
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.

$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.274 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).

$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH



Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền







SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtmbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	190,2	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	62,17	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	866,9	BG-HDKT

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*C<sub>max</sub>: Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*K<sub>p</sub>: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 tương ứng với P = 5.951 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h).*

*K<sub>v</sub>: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số K<sub>v</sub> = 1,2 tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Liệu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG**  
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**(VILAS 395 - VIMCERTS 096)**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT01

Trang: 1/1

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU**

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vô – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>01</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải. Tọa độ (21°21'06,31"N; 106°10'04,35"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 20 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>01</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	69	US EPA METHOD 5

*Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*

*Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:*

*$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.*

*C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.*

*$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 7.274 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).*

*$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).*

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024

**PHÒNG PHÂN TÍCH**



**Phạm Hương Liệu**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Thu Huyền**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.  
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.  
BM/01 - LBH: 08





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp  
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqmtbacgiang@gmail.com

Số: 17/5/24/587/KT02

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty TNHH gỗ ván ép Tân Tạo Địa chỉ: Cụm công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ ván ép Tân Tạo” Địa chỉ: Cụm CN Vôi – Yên Mỹ, thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Bảo Ngọc)
Vị trí lấy mẫu	KT <sub>02</sub> : Lấy tại điểm trích ống thoát khí thải sau xử lý của lò hơi. Tọa độ (21°21'04,34"N; 106°16'04,93"E)
Phương pháp lấy mẫu	SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> : BG-HDKT; Bụi tổng: US EPA METHOD 5
Ngày lấy mẫu: 17/5/2024	Ngày phân tích: 17 – 23/5/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C <sub>max</sub>	Kết quả (KT <sub>02</sub> )	Phương pháp thử
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240	71	US EPA METHOD 5
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	600	190,2	BG-HDKT
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	1.020	62,17	BG-HDKT
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.200	866,9	BG-HDKT

Ghi chú: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ ; Trong đó:

$C_{max}$ : Là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm<sup>3</sup>.

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 của QCVN 19: 2009/BTNMT.

$K_p$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải. (áp dụng hệ số  $K_p = 1,0$  tương ứng với  $P = 5.951 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ).

$K_v$ : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 19: 2009/BTNMT. (áp dụng hệ số  $K_v = 1,2$  tương ứng với cơ sở thuộc khu vực nông thôn).

Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024



Phạm Hương Lưu



Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.





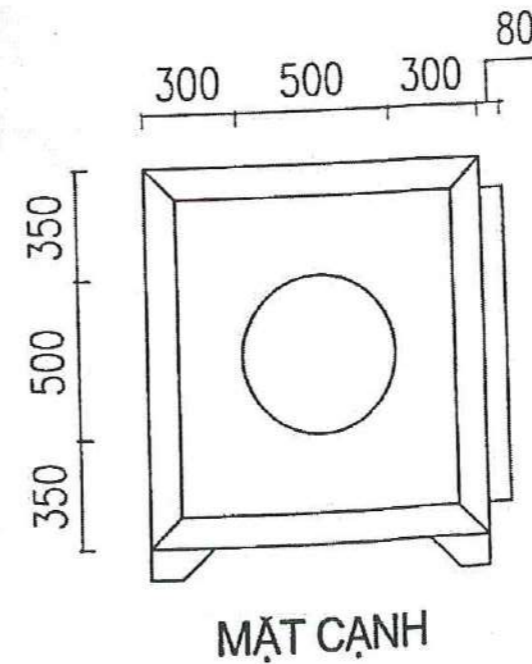
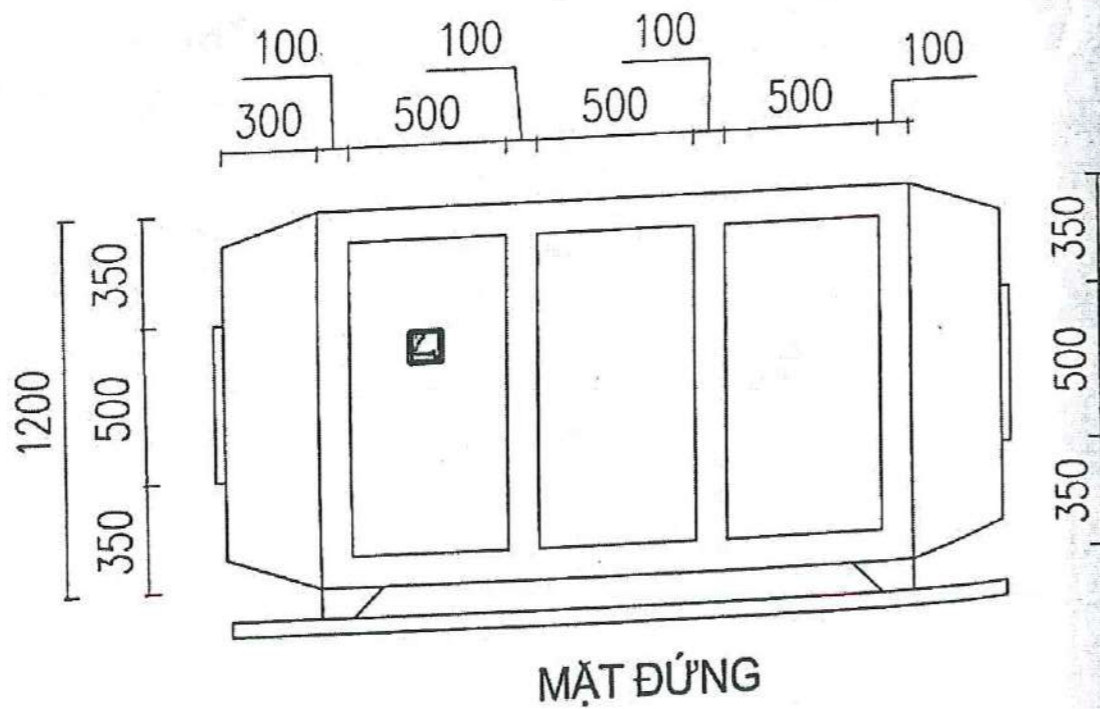
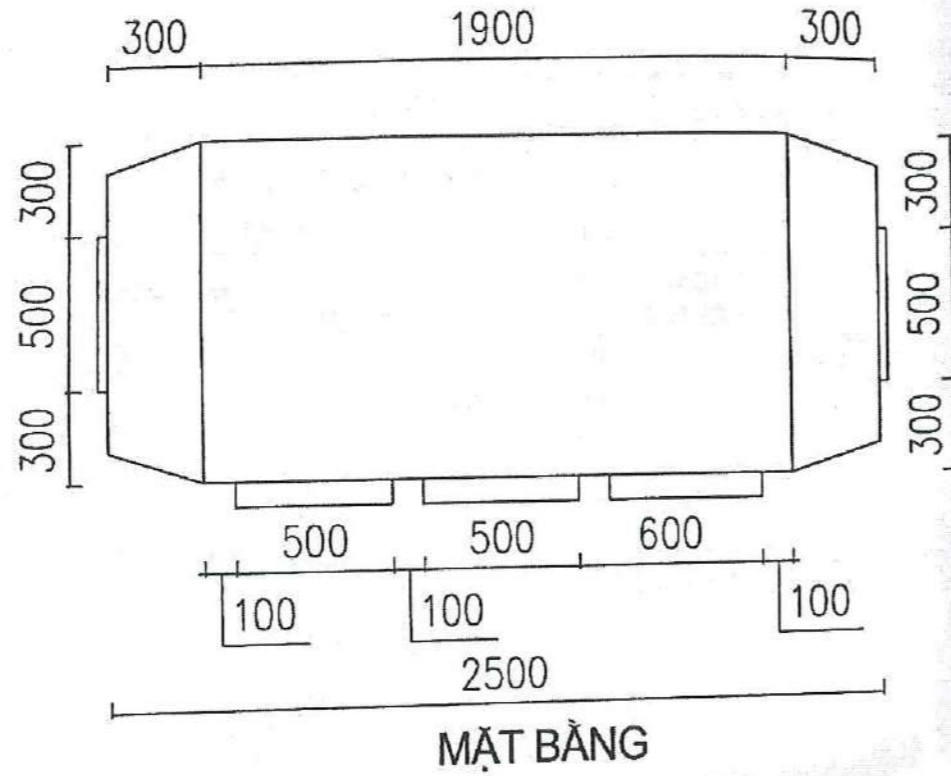








# THIẾT BỊ XỬ LÝ HƠI SƠN



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MINH CHÂU		
<b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b>		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP <i>N</i> Trần T. Hồng Nhung	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG <i>[Signature]</i> GIÁM ĐỐC TRẦN VĂN NGỌC	GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

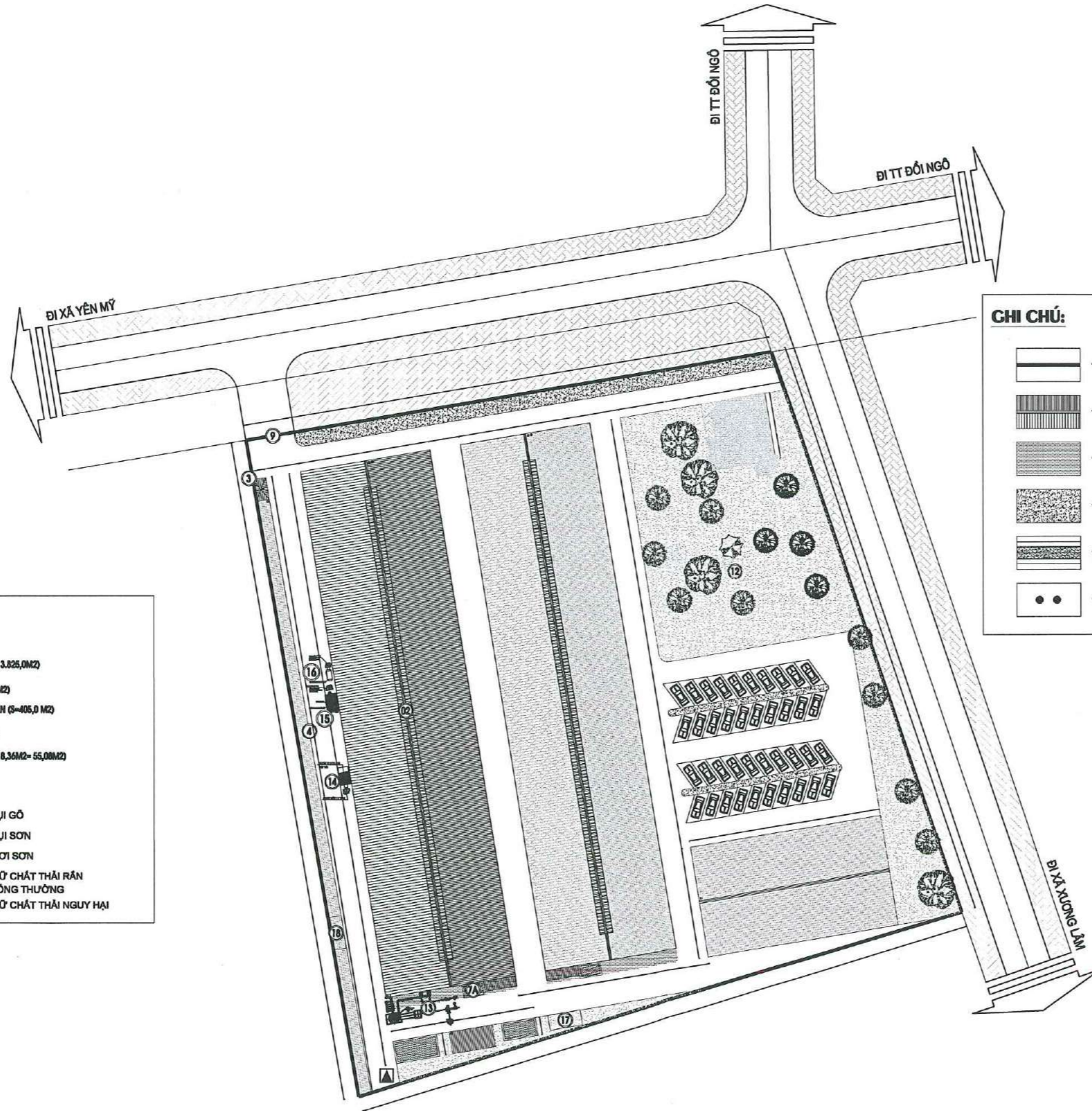
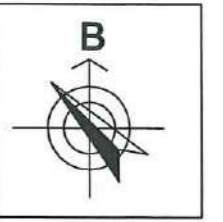


MỤC LỊCH PHÁT HÀNH (Issued for)	
HỆ THỐNG	<input type="checkbox"/> HỒ SƠ
THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CÔNG TRÌNH
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AN BÀN
HỆ THỐNG (Revision)	
Δ	Δ
Δ	Δ
Δ	Δ
Δ	Δ
BÊN TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MINH CHÂU	
KẾ HOẠCH THI AN BÀN	
THIẾT KẾ (Designed by)	
<i>N</i>	
KẾ M (Checked by)	
<i>[Signature]</i>	
KẾ HOẠNG THI AN BÀN	
TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO	
HẠNG MỤC (Item)	
HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI SƠN	
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)	
THIẾT BỊ XỬ LÝ HƠI SƠN	
HOÀN THÀNH (Completed)	TRỌNG (Weight)
1/1	1/1

Scanned with CamScanner



# MẶT BẰNG TỔNG THỂ



## GHI CHÚ:

- RANH GIỚI DỰ ÁN
- ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
- ĐẤT GIAO THÔNG SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ
- ĐẤT CÂY XANH NỘI BỘ
- GIAO THÔNG ĐỐI NGOÀI
- TẦNG CAO CÔNG TRÌNH

## GHI CHÚ:

- ② - NHÀ XƯỞNG SỐ 02 (S= 3.825,0M<sup>2</sup>)
- ③ - NHÀ BẢO VỆ (S = 16,0 M<sup>2</sup>)
- ④ - NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN (S=405,0 M<sup>2</sup>)
- ⑤ - NHÀ KHO (S= 50,0 M<sup>2</sup>)
- ⑦A - BỂ TỰ HOẠI (S=01CÁDK10,36M<sup>2</sup>- 55,00M<sup>2</sup>)
- ⑨ - CỐNG RA VÀO
- ⑬ - LÒ HƠI
- ⑭ - THIẾT BỊ XỬ LÝ BỤI GỖ
- ⑮ - THIẾT BỊ XỬ LÝ BỤI SƠN
- ⑯ - THIẾT BỊ XỬ LÝ HƠI SƠN
- ⑰ - KHU VỰC LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
- ⑱ - KHU VỰC LƯU GIỮ CHẤT THẢI NGUY HẠI

## CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO

ĐỊA CHẾ: CCH YÊN MỸ, XÃ YÊN MỸ, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

## HẠNG MỤC

NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: CCH YÊN MỸ, XÃ YÊN MỸ, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

## TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

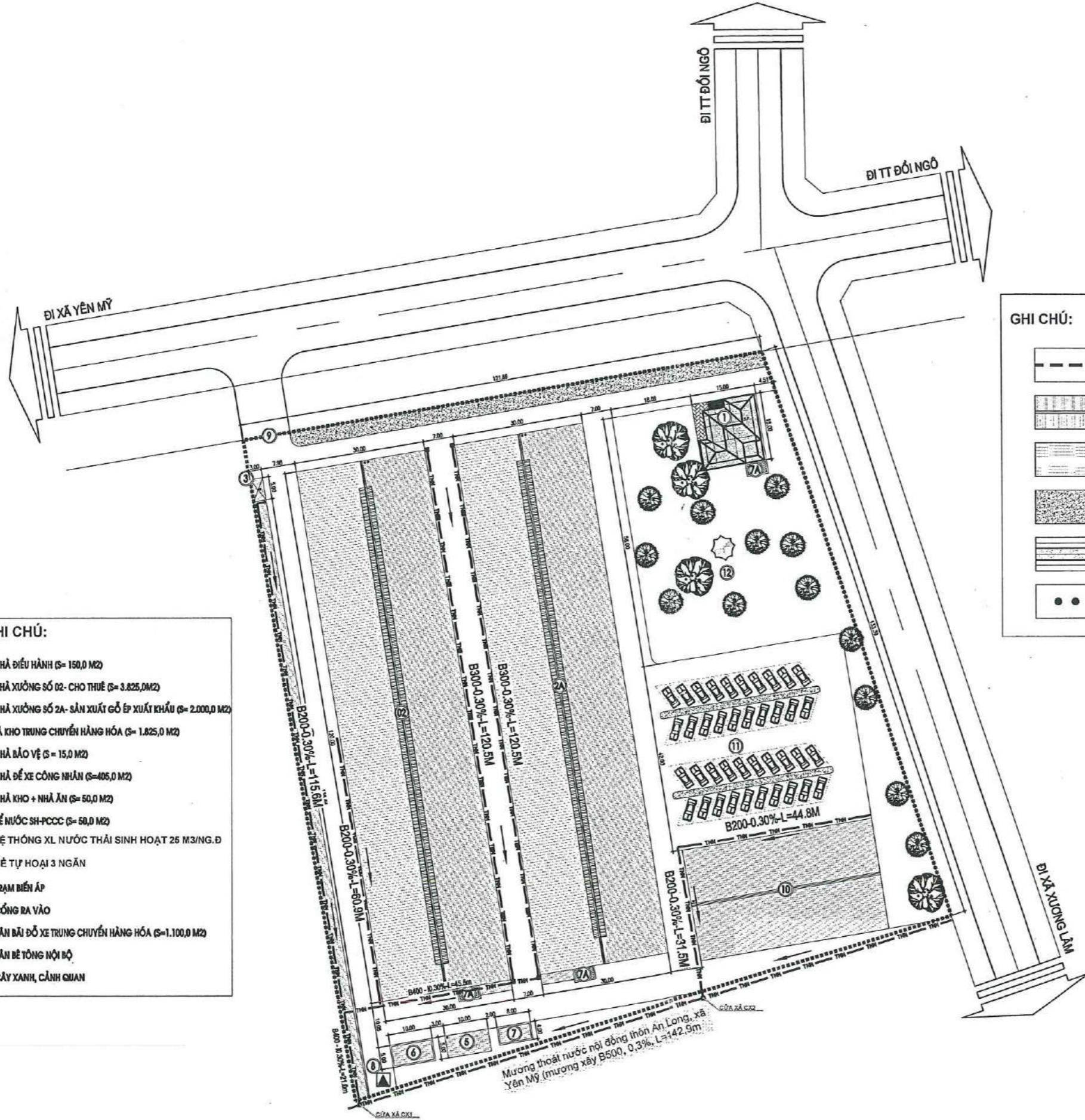
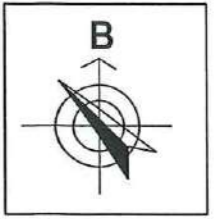
HOÀN THÀNH:

20.....

KÝ HIỆU:

TỈ LỆ: 1/

# MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA



- GHI CHÚ:**
- ① - NHÀ ĐIỀU HÀNH (S= 150,0 M<sup>2</sup>)
  - ② - NHÀ XƯỞNG SỐ 02- CHO THUÊ (S= 3.825,0M<sup>2</sup>)  
- NHÀ XƯỞNG SỐ 2A- SẢN XUẤT GỖ EP XUẤT KHẨU (S= 2.000,0 M<sup>2</sup>)  
VÀ KHO TRUNG CHUYỂN HÀNG HÓA (S= 1.825,0 M<sup>2</sup>)
  - ③ - NHÀ BẢO VỆ (S = 15,0 M<sup>2</sup>)
  - ④ - NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN (S=405,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑤ - NHÀ KHO + NHÀ ĂN (S= 50,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑥ - BỂ NƯỚC SH-PCCC (S= 50,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑦ - HỆ THỐNG XL NƯỚC THẢI SINH HOẠT 25 M<sup>3</sup>/NG.Đ
  - ⑦A - BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN
  - ⑧ - TRẠM BIẾN ÁP
  - ⑨ - CỐNG RA VÀO
  - ⑩ - SÀN BÀI ĐỖ XE TRUNG CHUYỂN HÀNG HÓA (S=1.100,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑪ - SÀN BÊ TÔNG NỘI BỘ
  - ⑫ - CÂY XANH, CẢNH QUAN

- GHI CHÚ:**
- RANH GIỚI DỰ ÁN
  - ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
  - ĐẤT GIAO THÔNG SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ
  - ĐẤT CÂY XANH NỘI BỘ
  - GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI
  - TẦNG CAO CÔNG TRÌNH



**HẠNG MỤC**

NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ XUẤT KHẨU, CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ KHO BÀI TRUNG CHUYỂN HÀNG HÓA

ĐIỀU CHẾ VÀO: YÊN MỸ, THÔN AN LONG, XÃ YÊN MỸ, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

**TÊN BẢN VẼ:**

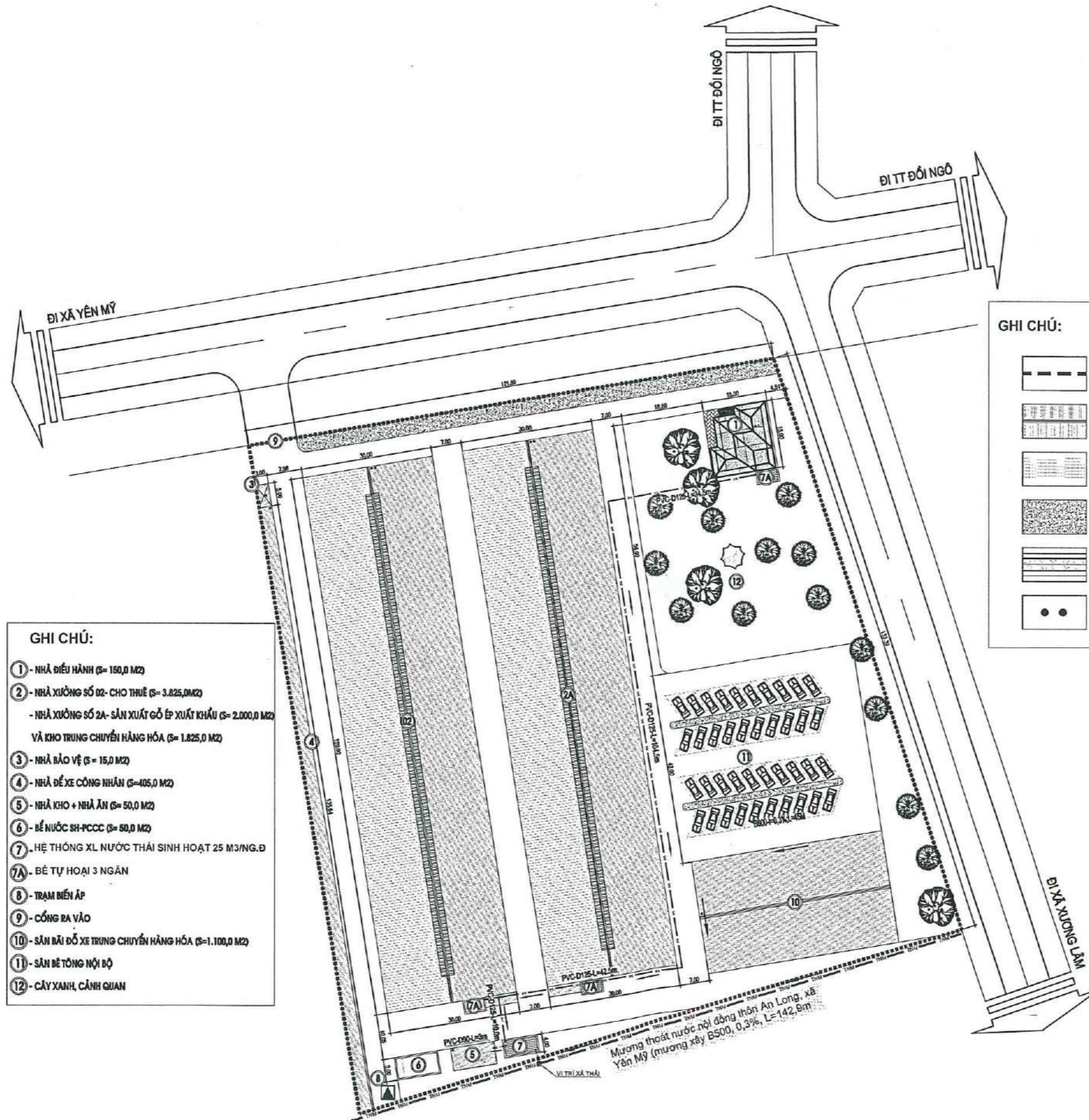
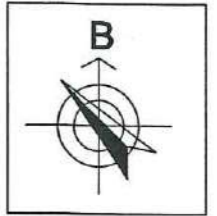
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

**HOÀN THÀNH:** 2023

**KÝ HIỆU:**

**TỈ LỆ:** 1/

# MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI



- GHI CHÚ:**
- ① - NHÀ ĐIỀU HÀNH (S= 150,0 M<sup>2</sup>)
  - ② - NHÀ XƯỞNG SỐ 02- CHO THUÊ (S= 3.825,0M<sup>2</sup>)  
- NHÀ XƯỞNG SỐ 2A- SẢN XUẤT GỖ EP XUẤT KHẨU (S= 2.000,0 M<sup>2</sup>)  
VÀ KHO TRUNG CHUYỂN HÀNG HÓA (S= 1.825,0 M<sup>2</sup>)
  - ③ - NHÀ BẢO VỆ (S = 15,0 M<sup>2</sup>)
  - ④ - NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN (S=405,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑤ - NHÀ KHO + NHÀ LÃN (S= 50,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑥ - BỂ NƯỚC SH-PCCC (S= 50,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑦ - HỆ THỐNG XL NƯỚC THẢI SINH HOẠT 25 M<sup>3</sup>/NG.Đ
  - 7A - BẾ TỰ HOẠI 3 NGĂN
  - ⑧ - TRẠM BIẾN ÁP
  - ⑨ - CỐNG RA VÀO
  - ⑩ - SÂN BÃI ĐỖ XE TRUNG CHUYỂN HÀNG HÓA (S=1.100,0 M<sup>2</sup>)
  - ⑪ - SÂN BÊ TÔNG NỘI BỘ
  - ⑫ - CÂY XANH, CẢNH QUAN

- GHI CHÚ:**
- RANH GIỚI DỰ ÁN
  - ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
  - ĐẤT GIAO THÔNG SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ
  - ĐẤT CÂY XANH NỘI BỘ
  - GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI
  - TẦNG CAO CÔNG TRÌNH



**HẠNG MỤC**

NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ XUẤT KHẨU, CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ KHO BÃI TRUNG CHUYỂN HÀNG HÓA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: CÁN VỚI - YÊN MỸ, THÔN AN LONG, XÃ YÊN MỸ, HUYỆN LƯƠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

**TÊN BẢN VẼ:**

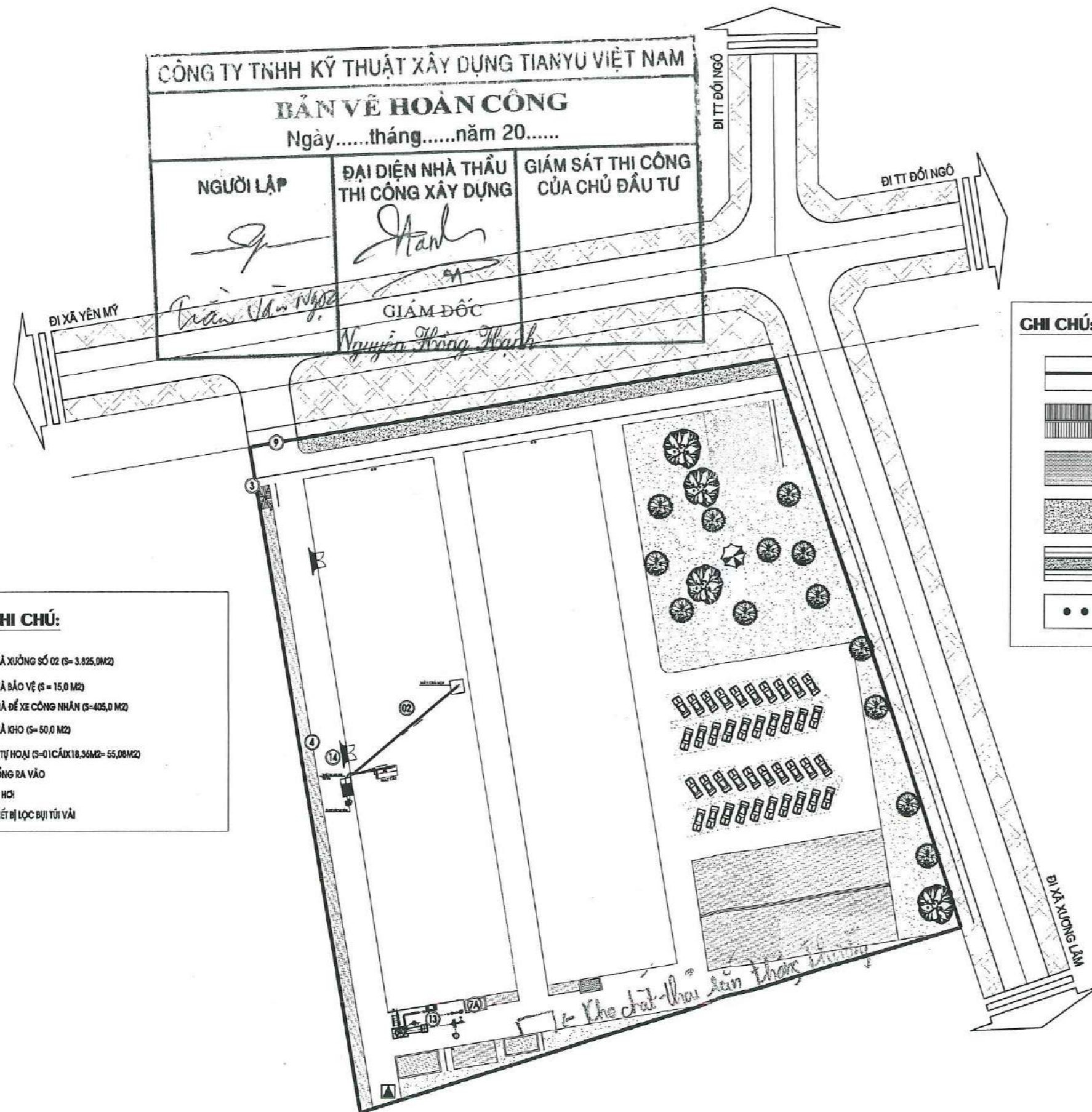
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

**HOÀN THÀNH:** 2023

**KÝ HIỆU:**

**TỈ LỆ:** 1/

# MẶT BẰNG THU GOM BỤI, KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG



### CHI CHÚ:

- ② - NHÀ XƯỞNG SỐ 02 (S= 3.825,0M2)
- ③ - NHÀ BẢO VỆ (S = 15,0 M2)
- ④ - NHÀ ĐỂ XE CÔNG NHÂN (S=405,0 M2)
- ⑤ - NHÀ KHO (S= 50,0 M2)
- ⑦A - BỂ TỰ HOẠI (S=01CÁIX18,36M2= 55,08M2)
- ⑨ - CỐNG RA VÀO
- ⑬ - LỒ HƠI
- ⑭ - THIẾT BỊ LỌC BỤI TỤ VẢI

### CHI CHÚ:

- RANH GIỚI DỰ ÁN
- ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
- ĐẤT GIAO THÔNG SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ
- ĐẤT CÂY XANH NỘI BỘ
- GIAO THÔNG ĐỐI NGOÀI
- TẦNG CAO CÔNG TRÌNH

SỬA ĐỔI - 修改		
LẦN 次数	NGÀY - 日期	KÝ TÊN - 签字
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ - 备注:

TÊN BẢN VẼ - 图纸名称  
**MẶT BẰNG THU GOM BỤI, KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG**

CÔNG TRÌNH - 工程名称  
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ

HẠNG MỤC - 项目  
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ VÁN ÉP TẬN TẠO

KHÁCH HÀNG - 客户名称  
CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TẬN TẠO

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点:  
BIỆT ĐÌNH YÊN MỸ, XÃ YÊN MỸ, HUYỆN LANG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商:

MSDN: 2301248456-C  
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG TIANYU VIỆT NAM  
KỸ THUẬT XÂY DỰNG  
TIAN YU  
VIỆT NAM  
TỈNH BẮC NINH  
K.S. NGUYỄN HỒNG HẠNH

CHỦ TRÌ  
项目经理  
K.S. NGUYỄN VĂN ĐIỆP

THIẾT KẾ  
设计  
K.S. TRẦN VĂN NGỌC

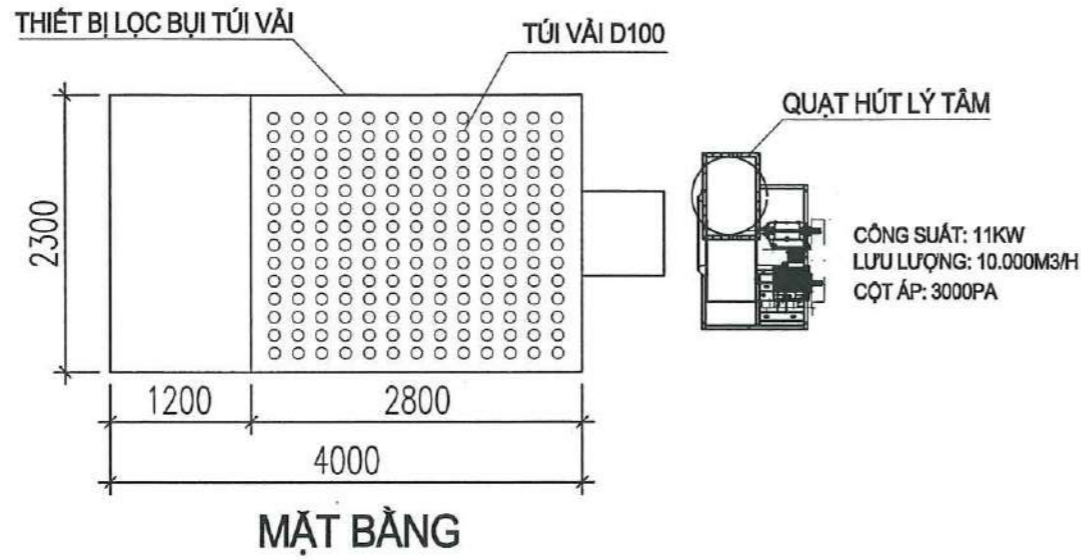
QUẢN LÝ KỸ THUẬT  
技术经理  
K.S. NGUYỄN VĂN ĐIỆP

阶段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
日期:  
页: SC: 1/....  
KÝ HIỆU:





# THIẾT BỊ XỬ LÝ BỤI GỖ

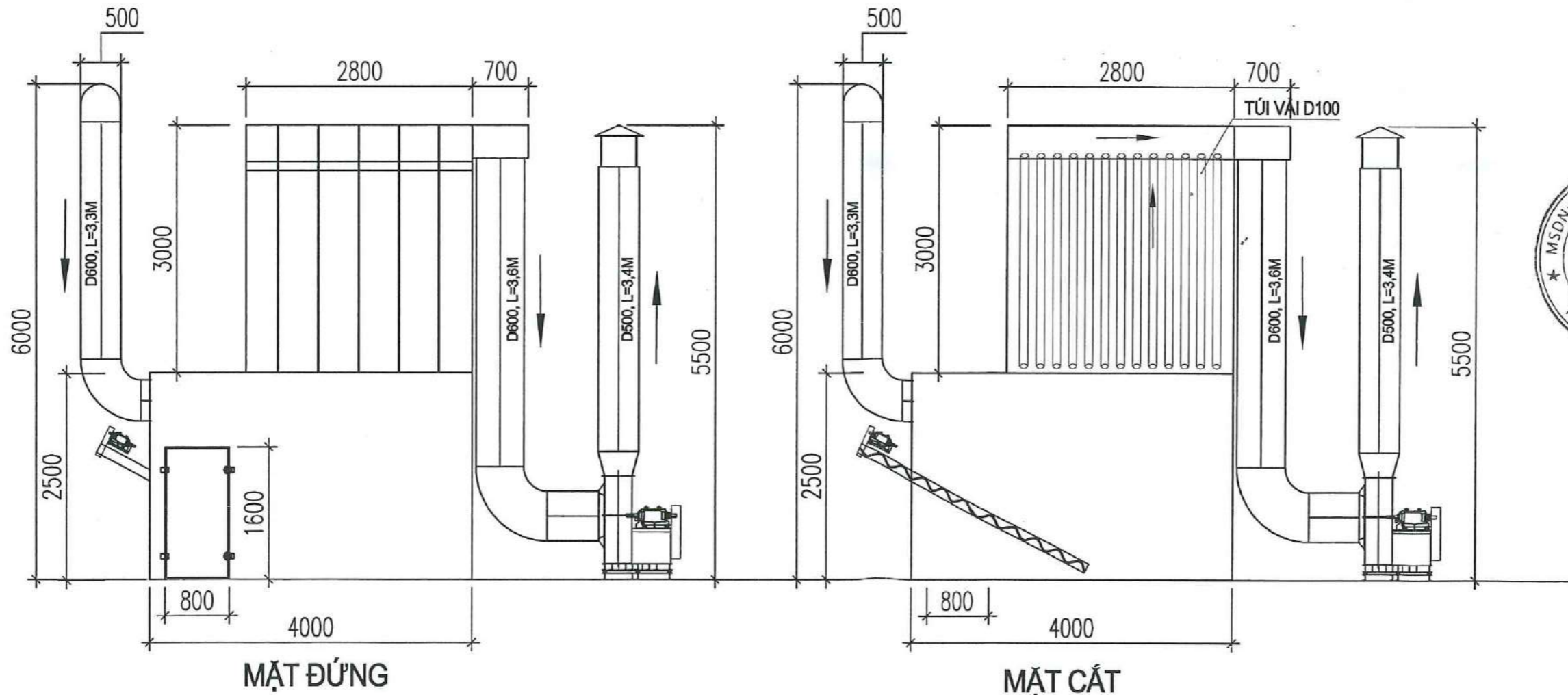


CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG TIANYU VIỆT NAM

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
<i>Trần Văn Ngọc</i>	<i>Nguyễn Hồng Hạnh</i> GIÁM ĐỐC	



SỬA ĐỔI - 修改		
LẦN 次数	NGÀY - 日期	KÝ TÊN - 签字
1		
2		
3		
4		
GHI CHÚ - 备注:		
TÊN BẢN VẼ - 图纸名称		
THIẾT BỊ XỬ LÝ BỤI GỖ		
CÔNG TRÌNH - 工程名称		
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI GỖ		
HẠNG MỤC - 项目		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO		
KHÁCH HÀNG - 客户名称		
CÔNG TY TNHH GỖ VÁN ÉP TÂN TẠO		
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 工程地点:		
BÀ CHÉ, CHI YÊN MỸ, XÃ YÊN MỸ, HUYỆN LANG GIANG, TỈNH BẮC GIANG		
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN - 承包商:		
CHỦ TRÌ 项目经理		
<i>Nguyễn Văn Diệp</i>		
KB. NGUYỄN VĂN DIỆP		
THIẾT KẾ 设计		
<i>Trần Văn Ngọc</i>		
KS. TRẦN VĂN NGỌC		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT 技术经理		
<i>Nguyễn Văn Diệp</i>		
KB. NGUYỄN VĂN DIỆP		
阶段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
日期:		
页:	SC: 1/....	
KÝ HIỆU:		

